

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu/ Dự toán mua sắm: Gói thầu số 45 - Cung cấp dịch vụ vệ sinh, đo chiều dày, khắc phục rò rỉ các ống trao đổi nhiệt các bộ gia nhiệt cao áp tổ máy số 1 NMTĐ Vũng Áng 1 năm 2026

Phát hành ngày: 08 /05/2026

Ban hành kèm theo Quyết định: 300/QĐ-TSC ngày 08 /05/2026

Chủ đầu tư: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PV Power TSC)

KT. GIÁM ĐỐC ✓
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Nghĩa

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Biểu mẫu hợp đồng

Phần 4. PHỤ LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT, cụ thể: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT, về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSD

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm phạm vi, tiến độ cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan mà nhà thầu phải thực hiện; yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa (nếu có).

Phần 3. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Biểu mẫu hợp đồng

Phần này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Phần 4. PHỤ LỤC

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL .
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu;b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không

khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn

làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;

c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;

d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.

<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c và d Mục 5.1 E-CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3. Biểu mẫu hợp đồng:</p> <p>Phần 4. Phụ lục</p> <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu</p>

	<p>tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Chủ đầu tư</p>

	<p>đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<p>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
<p>10. Thành phần của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT</p>

	<p>theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.</p>
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để tổ chuyên gia có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
13. Giá dự thầu và giảm giá	<p>13.1 Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV vào đơn dự thầu.</p> <p>b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được Chủ đầu tư thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ.</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p>

	<p>d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV.</p> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào Mẫu scan đính kèm trên Hệ thống.</p> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp hồ sơ dự thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại Quyết định số 178/QĐ-ĐLĐK ngày 04/02/2026 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt và ban hành Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất GTGT 8%, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Nhà thầu ghi rõ thuế suất thuế GTGT trong bảng giá dự thầu là thuế suất thuế GTGT 8%</p>
<p>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p>15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật</p>	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSDT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu</p>

	<p>và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
<p>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</p>	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p>17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</p>	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>18. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu</p>

quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời

gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư:

a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSMT, nhà thầu có văn bản rút E-HSMT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường

	<p>hợp bất khả kháng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng. <p>18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p> <p>18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự; b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự. <p>Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.</p> <p>18.9. Đối với gói thầu đấu thầu trước, bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>20. Nộp, rút và sửa đổi E-</p>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên</p>

<p>HSDT</p>	<p>danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>21. Mở thầu</p>	<p>21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại Quyết định số 178/QĐ-ĐLĐK ngày 04/2/2026 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt và ban hành Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu;

	<ul style="list-style-type: none"> - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá); - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). <p>c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.</p>
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>23. Làm rõ E-HSDT</p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên</p>

	<p>tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p>25. Xác định tính đáp ứng</p>	<p>25.1. Tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-</p>

<p>của E-HSDT</p>	<p>CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT .</p> <p>25.3. Tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí</p>

	cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.
<p>27. Nhà thầu phụ</p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc của gói thầu.</p> <p>27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng,</p>

	<p>kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.</p>
<p>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>28.1 Nguyên tắc ưu đãi:</p> <p>a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính.</p> <p>b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng.</p> <p>c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu.</p> <p>28.2. Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi theo quy định tại E-BDL.</p> <p>28.3. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá.</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p>

	<p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn ;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn ;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;</p> <p>h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>28.4. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 28.2 và Mục 28.3 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p> <p>28.5. Nhà thầu phải kê khai về dịch vụ được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 12 Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì dịch vụ của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.6. Trường hợp dịch vụ do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p> <p>28.7. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu cung cấp không phải đáp ứng điều kiện về bảo đảm cạnh tranh trong nội dung đánh giá về tư cách hợp lệ và yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.8. Các ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>29. Đánh giá E-HSDT</p>	<p>29.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-</p>

CDNT, Tổ chuyên gia chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá E-HSDT.

29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “Giá đánh giá” và “Giá thấp nhất”):

a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:

- Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung:

+ Tư cách hợp lệ của nhà thầu;

+ Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.

- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.

b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:

- Tổ chuyên gia đánh giá các nội dung: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá, nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSDT;

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, trường hợp E-HSMT có yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên E-HSDT và tài liệu đính kèm để đánh giá;

- Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu;

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3

Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.

d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.

đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.

e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.

29.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:

a) Đối với các nội dung bao gồm: Tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Tổ chuyên gia sẽ đánh giá nhà thầu “không đạt” ở nội dung này. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai theo E-HSDT và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;

c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai trên E-HSDT và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp

đồng tương tự theo biểu mẫu tại E-HSDT, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;

d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (bao gồm cả trường hợp nhân sự, thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai tại biểu mẫu E-HSDT và file đính kèm thì thông tin kê khai tại biểu mẫu E-HSDT là cơ sở để xem xét, đánh giá;

e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê

	<p>khai trong E-HSDT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p>
<p>30. Đối chiếu tài liệu</p>	<p>30.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư¹ tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT; b) Tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử.; c) Tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử.; d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt (nếu có), thiết bị chủ yếu (nếu có): bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT; e) Tài liệu khác (nếu có). <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, số liệu về tài chính từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.</p>

¹ Trường hợp trong hợp đồng ký giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn có nội dung thuê đơn vị tư vấn thực hiện đối chiếu tài liệu thì tổ chuyên gia do đơn vị tư vấn thành lập còn phải thực hiện trách nhiệm đối chiếu tài liệu.

30.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

30.4 Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.

30.5 Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá E HSDT;
- b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;
- c) E-HSMT và các liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT .

30.6 Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

- a) Không thương thảo đối với các nội dung nhà thầu chào đúng theo yêu cầu của E-HSMT.
- b) Không được làm thay đổi đơn giá đã xác định tại bước đánh giá về tài chính, trừ trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật.

30.7 Nội dung thương thảo hợp đồng:

- a) Những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- b) Các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong E-HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế theo Mục 12.1 E-CDNT;
- c) Thương thảo về nhân sự chủ chốt:

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế một lần, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự

	<p>thầu;</p> <p>d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>đ) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 26 E-CDNT;</p> <p>e) Trong quá trình thương thảo phải xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế bao gồm: thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế. Thuế suất, giá trị thuế nhà thầu phải nộp phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;</p> <p>g) Thương thảo về giá trong trường hợp giá đề nghị trúng thầu vượt giá gói thầu được duyệt đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu theo quy định;</p> <p>h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p>
<p>31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu Nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu.</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III.</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III.</p> <p>31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>32. Hủy thầu</p>	<p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất</p>

	<p>khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>đ) Hủy thầu theo quy định tại Quyết định số 178/QĐ-ĐLTK ngày 04/2/2026 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt và ban hành Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.</p> <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c và d Mục 32.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 9 Điều 14 của Luật Đấu thầu.</p>
<p>33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSMT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu;

	<ul style="list-style-type: none"> - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>34. Thay đổi khối lượng dịch vụ</p>	<p>34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>34.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phân công việc mua bổ sung phải tương tự với phân công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện</p>

<p>hợp đồng</p>	<p>pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 13 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</p>	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSĐT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<p>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
<p>38. Giải quyết kiến nghị trong đấu</p>	<p>38.1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu,

thầu	<p>cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>b) Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p> <p>38.2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, việc giải quyết kiến nghị thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
-------------	--

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật
E-CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: Gói thầu số 45 - Cung cấp dịch vụ vệ sinh, đo chiều dày, khắc phục rò rỉ các ống trao đổi nhiệt các bộ gia nhiệt cao áp tổ máy số 1 NMTĐ Vũng Áng 1 năm 2026.</p> <p>+ Lô số 1: Vệ sinh các ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt cao áp.</p> <p>+ Lô số 2: Kiểm tra, đo chiều dày các ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt.</p> <p>Tên dự án/dự toán mua sắm: Các gói thầu phục vụ trung tu tổ máy 1 NMTĐ Vũng Áng 1 năm 2026</p> <p>Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục E-CDNT 18.2 Chương này.</p>
E-CDNT 3	<p>Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty/ Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh.</p> <p>Việc tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo:</p> <ul style="list-style-type: none">- Quyết định số 858/QĐ-ĐLTK ngày 25/9/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt ban hành Quy chế quản lý hoạt động mua sắm hàng hóa, dịch vụ và bảo trì công trình xây dựng phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.- Quyết định số 178/QĐ-ĐLTK ngày 04/2/2026 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt và ban hành Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.
E-CDNT 5.1 (c)	<p>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Tư vấn lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán: Không có;+ Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán: Không có;+ Tư vấn thẩm định giá: Không có;

	<p>+ Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: Không có;</p> <p>+ Tư vấn lập E-HSMT: Không có;</p> <p>+ Tư vấn thẩm định E-HSMT: Không có;</p> <p>+ Tư vấn đánh giá E-HSDT: Không có;</p> <p>+ Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Không có;</p> <p>+ Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: Không có;</p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹.</p> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p> <p>- Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh quy định tại Mục này.</p>
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: Theo quy định của hệ thống
E-CDNT 10.8	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Báo cáo tài chính, Hợp đồng tương tự và các tài liệu khác theo yêu cầu của e-HSMT.

¹ Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

E-CDNT 12.1	Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế: Không được phép
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị đối với nhà thầu tham gia toàn bộ gói thầu: 56.077.000 VND - Giá trị đối với nhà thầu tham gia từng lô của gói thầu: <ul style="list-style-type: none"> + Lô số 1: Vệ sinh, sửa chữa xử lý rò rỉ các ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt cao áp: 33.646.000 VND + Lô số 2: Kiểm tra, đo chiều dày các ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt: 22.431.000 VND <p>Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 120 ngày
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
E-CDNT 18.9	Bảo đảm dự thầu đối với gói thầu đấu thầu trước: Không áp dụng.
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: $\leq 50\%$ giá dự thầu của nhà thầu.
E-CDNT 28.2	Không áp dụng
E-CDNT	Các ưu đãi khác (nếu có): Không áp dụng

28.8	
E-CDNT 29.1	<p>Phương pháp đánh giá E-HSDT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt - Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.
E-CDNT 29.3 (đ)	Xếp hạng nhà thầu: “Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất”.
E-CDNT 31.4	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
E-CDNT 31.5	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: Giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.
E-CDNT 34.1	<p>Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 10%.</p> <p>Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 10%.</p>
E-CDNT 34.2	- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.
E-CDNT 38.1	<ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật. + Địa chỉ: Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật, Tầng 17,18 Tòa nhà PV Power, 199 đường Nguyễn Tuân, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. + E-mail: vanthu@tsc.pvpower.vn - Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng giải quyết kiến nghị: + Địa chỉ: Phòng Kế hoạch – Hợp đồng + E-mail: loilx@tsc.pvpower.vn
E-CDNT 38.2	<p>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên tổ chức, cá nhân là: Phòng Kế hoạch – Hợp đồng. - Địa chỉ: Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật, Tầng 17,18 Tòa nhà PV Power, 199 đường Nguyễn Tuân, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu¹ không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây

¹ Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm¹

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 Chương này. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự; năng lực kỹ thuật: số lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ chủ chốt, số lượng thiết bị chủ yếu có khả năng huy động để thực hiện gói thầu (nếu có yêu cầu); doanh thu bình quân hằng năm; việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá về năng lực tài chính của nhà thầu.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực

¹ Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Mục này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT), trong trường hợp này, nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm.

hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01 (Scan đính kèm)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp	
		Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh		
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tài liệu cần nộp
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là: - Đối với nhà thầu tham gia toàn bộ gói thầu: 5.192.316.000 VND - Đối với nhà thầu tham gia từng lô của gói thầu: + Lô số 1: Vệ sinh, sửa chữa xử lý rò rỉ các ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt cao áp: 3.115.390.000 VND + Lô số 2: Kiểm tra, đo chiều dày các ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt: 2.076.926.000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng trong tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối đa 02 hợp đồng tương tự bao gồm đầy đủ 2 nhóm tính chất với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần	Mẫu số 05

	<p>2023 đến thời điểm đóng thầu</p> <p>Trong đó hợp đồng tương tự là hợp đồng đáp ứng các yêu cầu tương tự về tính chất và tương tự về quy mô như sau:</p>			<p>công việc đảm nhận)</p>
	<p>Tương tự về tính chất của hợp đồng</p> <p>Tối đa 02 hợp đồng có phạm vi công việc bao gồm đầy đủ 2 nhóm tính chất (i), (ii) như sau:</p> <p>(i) Dịch vụ vệ sinh đường ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt bằng tia nước áp lực cao VÀ sửa chữa xử lý rò rỉ các ống trao đổi nhiệt các bộ gia nhiệt bằng phương pháp hàn nút bịt (tube plug) tại các nhà máy nhiệt điện hoặc nhà máy công nghiệp;</p> <p>(ii) Dịch vụ đo chiều dày đường ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt bằng phương pháp Từ</p>	<p>Tương tự về quy mô (giá trị) của hợp đồng</p> <p>Tổng giá trị của (các) hợp đồng tương tự tối thiểu 1.870.000.000 VND</p>		
<p>Trường hợp 1: Đối với nhà thầu tham gia toàn bộ gói thầu</p>				

Nguyễn Văn Tuấn

					<p>trường xa (RFT) tại các nhà máy nhiệt điện hoặc nhà máy công nghiệp;</p>			
				<p>Giá trị tối thiểu 1.122.000.000 VND</p>	<p>Lô số 1: Tối thiểu 01 Hợp đồng có phạm vi công việc cung cấp dịch vụ vệ sinh đường ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt bằng tia nước áp lực cao VÀ sửa chữa xử lý rò rỉ các ống trao đổi nhiệt các bộ gia nhiệt bằng phương pháp hàn nút bịt (tube plug) tại các nhà máy nhiệt điện hoặc nhà máy công nghiệp;</p>	<p>Trường hợp 2: Đối với nhà thầu tham gia từng Lô của gói thầu</p>		
				<p>Giá trị tối thiểu 748.000.000 VND</p>	<p>Lô số 2: Tối thiểu 01 Hợp đồng có phạm vi công việc cung cấp dịch vụ đo chiều dày đường ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt bằng phương pháp Từ trường xa (RFT) tại các nhà máy nhiệt điện hoặc nhà máy công nghiệp.</p>			



2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02A: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt⁽¹⁾

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1	Chỉ huy trưởng/đội trưởng thi công (Bản sao y HĐLĐ với nhà thầu còn hiệu lực ít nhất tính đến thời điểm đóng thầu)	Theo yêu cầu tại bảng 02B	Đã chủ trì/chỉ huy trưởng ≥ 02 công trình vệ sinh bằng nước áp lực cao hoặc kiểm tra bằng phương pháp RFT hoặc bảo dưỡng sửa chữa các bình trao đổi nhiệt tại các nhà máy điện hoặc nhà máy công nghiệp được Chủ đầu tư đánh giá đạt chất lượng (Bản sao y: Hợp đồng thi công và quyết định có tên nhân sự này tham gia; hoặc xác nhận của Chủ đầu tư)	Bản sao y công chứng bằng Đại học hoặc trên đại học chuyên ngành kỹ thuật; Bản sao y Chứng chỉ/chứng nhận huấn luyện ATVSLĐ còn hiệu lực
2	Nhân sự thực hiện công tác thử kín bình gia nhiệt (Bản sao y HĐLĐ với nhà thầu còn hiệu lực ít nhất tính đến thời điểm đóng thầu)	Theo yêu cầu tại bảng 02B	Đã tham gia ít nhất 01 công trình bảo dưỡng sửa chữa/ hoặc thử kín các bình trao đổi nhiệt các nhà máy công nghiệp (Bản sao y: Hợp đồng thi công và quyết định có tên nhân sự này tham gia; hoặc xác nhận của Chủ đầu tư)	Bản sao y chứng chỉ/ chứng nhận huấn luyện ATVSLĐ còn hiệu lực ít nhất tính đến thời điểm đóng thầu.
3	Nhân sự thực hiện công tác khắc phục rò rỉ ống trao đổi nhiệt bình gia nhiệt (Bản sao y HĐLĐ với nhà thầu còn hiệu lực ít nhất tính đến thời điểm đóng thầu)	Theo yêu cầu tại bảng 02B	Đã tham gia ít nhất 01 công trình hàn xử lý rò rỉ ống trao đổi nhiệt các bình trao đổi nhiệt hoặc ống áp lực trong các nhà máy công nghiệp (Bản sao y: Hợp đồng thi công và quyết định có tên nhân sự này tham gia; hoặc xác nhận của Chủ đầu tư)	Bản sao y chứng chỉ/ chứng nhận huấn luyện ATVSLĐ còn hiệu lực ít nhất tính đến thời điểm đóng thầu. Bản sao y chứng chỉ hàn từ 3G trở lên theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế còn hiệu lực ít nhất tính đến thời điểm đóng thầu.

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
4	Nhân sự thực hiện công tác vệ sinh ống (Bản sao y HĐLĐ với nhà thầu còn hiệu lực ít nhất tính đến thời điểm đóng thầu).	Theo yêu cầu tại bảng 02B	Đã tham gia ít nhất 01 công trình vệ sinh các giàn ống của các bình trao đổi nhiệt bằng nước áp lực cao tại các nhà máy công nghiệp (Bản sao y: Hợp đồng thi công và quyết định có tên nhân sự này tham gia; hoặc xác nhận của Chủ đầu tư)	Chứng chỉ vận hành thiết bị áp lực (Bản sao y Chứng chỉ/ chứng nhận còn hiệu lực ít nhất tính đến thời điểm đóng thầu của đơn vị có chức năng hoặc do hãng sản xuất cấp)
5	Nhân sự thực hiện công tác kiểm tra bằng phương pháp từ trường xa (RFT) (Bản sao y HĐLĐ với nhà thầu còn hiệu lực ít nhất tính đến thời điểm đóng thầu).	Theo yêu cầu tại bảng 02B	Đã tham gia ít nhất 01 công trình kiểm tra bằng phương pháp RFT các giàn ống trong bình trao đổi nhiệt tại các nhà máy công nghiệp (Bản sao y: Hợp đồng thi công và quyết định có tên nhân sự này tham gia; hoặc xác nhận của Chủ đầu tư)	Bản sao y chứng chỉ ET tối thiểu Level II tiêu chuẩn quốc tế còn thời hạn ít nhất đến thời điểm đóng thầu
6	Nhân sự phụ trách an toàn (Bản sao y HĐLĐ với nhà thầu còn hiệu lực ít nhất tính đến thời điểm đóng thầu).	Theo yêu cầu tại bảng 02B	Đã tham gia ít nhất 01 công trình giám sát an toàn trong nhà máy công nghiệp (Bản sao y: Hợp đồng thi công và quyết định có tên nhân sự này tham gia; hoặc xác nhận của Chủ đầu tư)	Trình độ tối thiểu trung cấp chuyên ngành kỹ thuật (Bản sao y công chứng bằng cấp) Chứng chỉ/ chứng nhận an toàn (Bản sao y chứng chỉ/ chứng nhận huấn luyện ATVSLĐ nhóm 2 còn thời hạn tính tới thời điểm đóng thầu

Bảng số 02B: Số lượng nhân sự chủ chốt

STT	Vị trí	Chỉ tham gia Lô 1	Chỉ tham gia Lô 2	Tham gia toàn bộ gói thầu
1	Chỉ huy trưởng/đội trưởng thi công	01	01	01
2	Nhân sự thực hiện công tác thử kín bình gia nhiệt	02		02
3	Nhân sự thực hiện công tác khắc phục rò rỉ ống trao đổi nhiệt bình gia nhiệt	01		01
4	Nhân sự thực hiện công tác vệ sinh ống	02		02

Handwritten signature

5	Nhân sự thực hiện công tác kiểm tra bằng phương pháp từ trường xa (RFT)		02	02
6	Nhân sự phụ trách an toàn	01	01	01

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu

TT	Trách nhiệm cung cấp thiết bị	Hạng mục	Chủng loại và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu (bộ)
1	Nhà thầu tham gia Lô 1	Máy hàn Tig	Máy hàn Tig - Nguồn: 01 pha/220v hoặc 3 pha/380V, tần số 50Hz; - Điều chỉnh dòng hàn: từ 10A -200A - Sử dụng cho que hàn đường kính: 1.2 - 4mm hoặc lớn hơn - Hàn được cho vật liệu dày: 0.5mm - 10mm	01 bộ
2		Máy vệ sinh các ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt cao áp Tổ máy số 1 NMTĐ Vũng Áng 1 năm 2026 (Số lượng: 8387 ống)	Máy vệ sinh tia nước áp lực cao: - Áp suất điều chỉnh tối đa đến 1800 bar, lưu lượng điều chỉnh tối đa đến 110 lít/phút - Công suất động cơ dẫn động: ≥ 300 kW	02 bộ
3	Nhà thầu tham gia Lô 2	Máy kiểm tra ống trao đổi nhiệt (bằng phương pháp RFT) của các bộ gia nhiệt Tổ máy số 1 NMTĐ Vũng Áng 1 năm 2026 (Số lượng: 8387 ống)	Máy kiểm tra RFT MultiScan MS-5800 hoặc tương đương - Nguồn: 120 VAC hoặc 220 VAC $\pm 10\%$, tần số 48 Hz đến 63 Hz - Đầu vào cho đầu dò: có ≥ 4 đầu vào riêng biệt cho phương pháp RFT - Các kênh RFT: ≥ 16 kênh thời (4 đầu vào x 4 giá trị thời gian đo) - Dải tần số: chỉnh được từ 20 Hz đến 250kHz - Các đầu dò tương thích: phù hợp nhiều kích thước đầu dò khác nhau, với độ nhạy phát hiện $\geq 80\%$ độ dày thành ống - Các phần mềm đo: sử dụng phần mềm đi kèm bản quyền cho mỗi cách kiểm định khác nhau	01 bộ

Handwritten signature in blue ink.

Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh khả năng huy động tối thiểu các thiết bị thi công chủ yếu cho gói thầu theo bảng danh mục thiết bị thi công chủ yếu nêu trên.

- Trường hợp thiết bị thuộc sở hữu của nhà thầu thì phải kèm theo các tài liệu để chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của mình, bao gồm: Hợp đồng mua bán và hóa đơn thuế GTGT (đối với hàng sản xuất trong nước).

- Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng/cam kết cho thuê thiết bị và tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê.

Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh thiết bị chủ yếu đáp ứng các thông số kỹ thuật theo HSMT, bao gồm: Chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất (CQ); Đối với thiết bị nhập khẩu cung cấp chứng chỉ xuất xứ của nước sản xuất (CO) và tờ khai hải quan (điện tử).

Đối với Máy bơm nước áp lực cao: Nhà thầu phải cung cấp bản scan bản gốc hoặc bản scan được chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền Giấy chứng nhận kiểm tra, Test report hoặc Kiểm định thiết bị do Đơn vị có chức năng cấp có hiệu lực đến thời điểm đóng thầu, đồng thời nhà thầu phải cam kết duy trì hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm tra/kiểm định thiết bị an toàn kỹ thuật trong thời gian thực hiện hợp đồng.

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng theo quy định tại Chương V, mục 4.



Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá về kỹ thuật.

Stt	Hạng mục đánh giá	Mức độ đáp ứng	Đánh giá
1	Phạm vi, khối lượng công việc		
	Phạm vi, khối lượng công việc	Nhà thầu chào đầy đủ phạm vi, khối lượng công việc theo yêu cầu tại Chương IV, mẫu 01G	Đạt
		Nhà thầu chào không đầy đủ phạm vi, khối lượng công việc theo yêu cầu tại Chương IV, mẫu 01G	Không đạt
2	Giải pháp Kỹ thuật và Biện pháp tổ chức thi công		
2.1	Mức độ đáp ứng yêu cầu về vật tư, công cụ dụng cụ yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.1	Nhà thầu cung cấp đầy đủ vật tư, công cụ dụng cụ đáp ứng theo yêu cầu tại Chương V, mẫu mục 3.2.1	Đạt
		Nhà thầu không cung cấp đầy đủ vật tư, công cụ dụng cụ không đáp ứng theo yêu cầu tại Chương V, mẫu mục 3.2.1	Không đạt
2.2	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.2	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.2	Đạt
		Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công Không đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.2	Không đạt
3	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công chủ yếu		
3.1	Công tác chuẩn bị thi công		
	Công tác chuẩn bị vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị thi công theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.3	Công tác chuẩn bị vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị thi công đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.3	Đạt
		Công tác chuẩn bị vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị thi công Không đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.3	Không đạt
3.2	Công tác thi công		

Stt	Hạng mục đánh giá	Mức độ đáp ứng	Đánh giá
	Công tác thi công theo yêu cầu HSMT chương V, mục 3.2.6	Công tác thi công đáp ứng theo yêu cầu HSMT chương V, mục 3.2.6	Đạt
		Công tác thi công Không đáp ứng theo yêu cầu HSMT chương V, mục 3.2.6	Không đạt
	Lập biện pháp tổ chức nghiệm thu các giai đoạn thi công và nghiệm thu tổng thể công trình theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.7	Biện pháp tổ chức nghiệm thu các giai đoạn thi công và nghiệm thu tổng thể công trình đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.7	Đạt
		Biện pháp tổ chức nghiệm thu các giai đoạn thi công và nghiệm thu tổng thể công trình Không đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.7	Không đạt
3.3	Tổ chức mặt bằng công trường		
	Phương án bố trí mặt bằng công trường, lán trại tạm, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.4	Phương án bố trí mặt bằng công trường, lán trại tạm, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.4	Đạt
		Phương án bố trí mặt bằng công trường, lán trại tạm, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu không đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.4	Không đạt
	Nêu cách thức bố trí rào chắn, biển báo (tiêu chuẩn áp dụng phù hợp với qui định về an toàn hiện hành của Quốc gia) theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.4	Cách thức bố trí rào chắn, biển báo (tiêu chuẩn áp dụng phù hợp với qui định về an toàn hiện hành của Quốc gia) đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.4	Đạt
		Cách thức bố trí rào chắn, biển báo (tiêu chuẩn áp dụng phù hợp với qui định về an toàn hiện hành của Quốc gia) không đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.4	Không đạt
3.4	Hệ thống tổ chức		
	Sơ đồ tổ chức và biểu đồ nhân lực thi công phù hợp với phạm vi công việc theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.5	Sơ đồ tổ chức và biểu đồ nhân lực thi công phù hợp với phạm vi công việc đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.5	Đạt
		Sơ đồ tổ chức và biểu đồ nhân lực thi công phù hợp với phạm vi	Không đạt



Stt	Hạng mục đánh giá	Mức độ đáp ứng	Đánh giá
		công việc Không đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.5	
	Phương án huy động đầy đủ số lượng và chất lượng nhân lực cho thi công đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.5	Phương án huy động đầy đủ số lượng và chất lượng nhân lực cho thi công đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.5	Đạt
		Phương án huy động đầy đủ số lượng và chất lượng nhân lực cho thi công đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ Không đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.5	Không đạt
3.5	Biện pháp đảm bảo chất lượng		
	Quy trình quản lý chất lượng thi công theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.8, điểm a	Quy trình quản lý chất lượng thi công đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.8, điểm a	Đạt
		Quy trình quản lý chất lượng thi công không đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.8, điểm a	Không đạt
	Biện pháp đảm bảo chất lượng vật tư, thiết bị theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.8, điểm b	Biện pháp đảm bảo chất lượng vật tư, thiết bị đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.8, điểm b	Đạt
		Biện pháp đảm bảo chất lượng vật tư, thiết bị không đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.8, điểm b	Không đạt
	Lập biện pháp đảm bảo chất lượng thi công theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.8, điểm c	Biện pháp đảm bảo chất lượng thi công đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.8, điểm c	Đạt
		Biện pháp đảm bảo chất lượng thi công Không đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.8, điểm c	Không đạt
3.6	Tiến độ thi công		
	Biểu tiến độ thi công chi tiết theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.9, điểm a	Biểu tiến độ thi công chi tiết đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.9, điểm a	Đạt
		Biểu tiến độ thi công chi tiết không đáp ứng theo yêu cầu	Không đạt



Stt	Hạng mục đánh giá	Mức độ đáp ứng	Đánh giá
		HSMT tại chương V, mục 3.2.9, điểm a	
	Biểu đồ huy động nhân lực, vật tư, thiết bị thi công theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.9, điểm b	Biểu đồ huy động nhân lực, vật tư, thiết bị thi công đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.9, điểm b	Đạt
		Biểu đồ huy động nhân lực, vật tư, thiết bị thi công không đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.9, điểm b	Không đạt
	Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công khi có rủi ro khách quan theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.9, điểm c	Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công khi có rủi ro khách quan đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.9, điểm c	Đạt
		Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công khi có rủi ro khách quan không đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.9, điểm c	Không đạt
4	Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường		
	Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.1.1	Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.1.1	Đạt
		Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ không đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.1.1	Không đạt
	Yêu cầu về vệ sinh, bảo vệ môi trường theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.1.2	Yêu cầu về vệ sinh, bảo vệ môi trường đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.1.2	Đạt
		Yêu cầu về vệ sinh, bảo vệ môi trường không đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.1.2	Không đạt
	Yêu cầu về an toàn lao động theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.1.3	Yêu cầu về an toàn lao động Đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.1.3	Đạt
		Yêu cầu về an toàn lao động Không đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.1.3	Không đạt
	Yêu cầu về tuân thủ quy định ATSKMT theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.1.4	Yêu cầu về tuân thủ quy định ATSKMT Đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.1.4	Đạt
		Yêu cầu về tuân thủ quy định ATSKMT Không đáp ứng theo	Không đạt



Stt	Hạng mục đánh giá	Mức độ đáp ứng	Đánh giá
		yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.1.4	
5	Bảo hành bảo trì		
	Thời gian bảo hành đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.10, điểm a	Có Thời gian bảo hành đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.10, điểm a	Đạt
		Không có Thời gian bảo hành đáp ứng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.10, điểm a	Không đạt
	Biện pháp tổ chức thực hiện công tác bảo hành yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.10, điểm b	Có Biện pháp tổ chức thực hiện công tác bảo hành yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.10, điểm b	Đạt
		Không có Biện pháp tổ chức thực hiện công tác bảo hành yêu cầu HSMT tại chương V, mục 3.2.10, điểm b	Không đạt
6	Các cam kết		
	Cam kết trách nhiệm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 4	Có Cam kết trách nhiệm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 4	Đạt
		Không có Cam kết trách nhiệm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 4	Không đạt
	Cam kết tuân thủ quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 5	Có Cam kết tuân thủ quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 5	Đạt
		Không có Cam kết tuân thủ quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm theo yêu cầu HSMT tại chương V, mục 5	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSMT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 4.2. Phương pháp giá đánh giá.



Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01G. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)	Scan đính kèm lên Hệ thống	X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
4	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)	Scan đính kèm lên Hệ thống hoặc bảo lãnh điện tử		X
5	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)			X
6	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
7	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
8	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
9	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
10	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
11	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
12	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
13	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
14	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
15	Mẫu số 10D. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)			X
16	Mẫu số 11G. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)			X
17	Mẫu số 12. Bảng kê khai dịch vụ được hưởng ưu đãi		X	

PHẠM VI CUNG CẤP
(áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ theo bảng sau:

I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Trọn gói dịch vụ vệ sinh, sửa chữa xử lý rò rỉ các ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt cao áp (bao gồm: Chi phí nhân công, vật tư tiêu hao, vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị thi công...).	Theo quy định tại chương V	01 (số lượng: 8387 ống)	Gói	Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1	30 ngày từ ngày dùng máy

II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Các hạng mục					

1	Dịch vụ kiểm tra, đo chiều dày các ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt (bao gồm: Chi phí nhân công, vật tư tiêu hao, vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị thi công...).	Theo quy định tại chương V	8387	ống	Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1	30 ngày từ ngày dừng máy
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh ⁽⁸⁾		$b1\% = 0$			

III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh (Không áp dụng)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Các hạng mục					
1						
2						
...						
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá ⁽⁹⁾		$b2\%$			

IV. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo thời gian (Không áp dụng)

STT	Danh mục dịch vụ	Mã tá dịch vụ	Khối lượng mời thầu/ngày (tháng)	Số ngày/tháng thực hiện	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ [ghi số ngày: kể từ ngày họp đồng kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện dịch vụ lập lại nhiều lần]	Ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày họp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện dịch vụ đối với trường hợp thực hiện dịch vụ lập lại nhiều lần]
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Các hạng mục							
1								
2								
...								
II	Chỉ phí dự phòng cho khối lượng phát sinh theo thời gian ⁽¹⁰⁾		b3%					

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5), (6), (7) Mục II, III, IV và (8), (9) Mục IV: Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(3): Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(8) Mục II: Ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b1%) nhân với chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

(9) Mục III: Ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá (b2%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b2%) nhân với chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

(10) Mục IV: Ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh theo thời gian (b3%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh theo thời gian với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b3%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các dịch vụ như Mẫu này.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

Ngày: ___ [*Ngày tháng năm ký đơn dự thầu*]

Tên gói thầu: ___ [*Tên gói thầu theo thông báo mời thầu*]

Kính gửi: ___ [*Tên chính xác của Chủ đầu tư*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Tên nhà thầu*], Mã số thuế _____, [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Tên gói thầu*] số E-TBMT: _____ [*Số TBMT trên hệ thống*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ [*Giá trị bằng số, chữ và đồng tiền dự thầu*] cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [*Ghi rõ giá dự thầu sau khi giảm giá*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDT: ___ Ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu

Bảo đảm dự thầu*: _____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: _____ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾;

8. Những thông tin kê khai trong E-HSĐT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSĐT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

10. Nếu E-HSĐT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng.⁽⁵⁾

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT.

(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Đối với gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

(5) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng.

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày: ____

Gói thầu: ____ [*Tên gói thầu theo TBMT*]

Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: ____ [*Tên dự án, dự toán theo TBMT*]

Căn cứ⁽²⁾ ____

Căn cứ⁽²⁾ ____

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ Ghi tên gói thầu] với số E-TBMT: ____
[Theo số TBMT trên hệ thống]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____ [*Tên thành viên liên danh*]

Mã số thuế: ____ [*MST thành viên liên danh*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ____ [*Tên thành viên liên danh*]

Mã số thuế: ____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n: ____ [*Tên thành viên liên danh*]

Mã số thuế: ____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [*Tên gói thầu*] thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____ [*Tên dự án, dự toán*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [*Tên gói thầu*] thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____ [*Tên dự án, dự toán*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.
[*-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*
- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [Tên gói thầu] thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ [Tên dự án, dự toán] theo thông báo của Chủ đầu tư

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phân độ lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự

thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ [*ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL*]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [*ghi ngày phát hành bảo lãnh*]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ [*ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu*]

Bên bảo lãnh: ____ [*ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in*]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ [*ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ [*ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT*].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ

đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng;

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh _____ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSMT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSĐT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>	
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>	
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾		
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>	
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>	
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>	

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và nhân sự của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSĐT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động nhân sự để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ nhân sự theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự				Công việc hiện tại							
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu đề đổi chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đổi chiếu tài liệu.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			

Ghi chú:

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu, Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và thiết bị của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động thiết bị để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ thiết bị theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu thì nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu
	Địa chỉ chủ sở hữu

	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III			
<input type="checkbox"/> Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
<input type="checkbox"/> Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾	<i>(Hệ thống tự động tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSMT; trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)

I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
1	Dịch vụ vệ sinh, sửa chữa xử lý rò rỉ các ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt cao áp (bao gồm: Chi phí nhân công, vật tư tiêu hao, vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị thi công...).	Theo yêu cầu tại Chương V	01 (Số lượng 8387 ống)	Gói		
Tổng công: [Nhà thầu điền]						X1

II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
I	Các hạng mục					A=A1+A2+...
1	Hạng mục 1					A1
1	Dịch vụ kiểm tra, đo chiều dày các ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt (bao gồm: Chi phí nhân công, vật tư tiêu hao, vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị thi công...).	Theo yêu cầu tại Chương V	8387	ống		

2	Hạng mục 2						A2
...
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh			$b1\% = 0$			$B1 = b1\% \times A$
Tổng cộng: [Nhà thầu điền]							

III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh (Không áp dụng)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)	
I	Các hạng mục					$A=A1+A2+...$	
1	Hạng mục 1					A1	
2	Hạng mục 2					A2	
...	
II	Chi phí dự phòng (dự phòng khối lượng phát sinh, trượt giá)		$b2\%$			$B2 = b2\% \times A$	
Tổng cộng: [Nhà thầu điền]							$X3=A+B2$

IV. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo thời gian (Không áp dụng)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu/ngày (tháng)	Số ngày/tháng thực hiện	Đơn vị tính	Đơn giá theo ngày (tháng)	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(5)x(7)
I	Các hạng mục						$A=A1+A2+...$
1	Hạng mục 1						A1
2	Hạng mục 2						A2

...
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh theo thời gian		b3%		$B3 = b3\% \times A$
V. Tổng hợp giá dự thầu					
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế GTGT 8%, phí, lệ phí (nếu có))					
					$X4 = A + B3$

V. Tổng hợp giá dự thầu

STT	Các hạng mục	Thành tiền
I	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra	X1
II	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định	X2
III	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	X3
IV	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo thời gian	X4
	Tổng cộng (Nhà thầu tính ra giá dự thầu)	$X = X1 + X2 + X3 + X4$

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5) của Mục I, II, III; các cột từ (1) đến (6) của Mục IV: Bên mời thầu điền.

- Cột (6) của Mục I, II, III; cột (7) của Mục IV: Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (7) của Mục I, II, III; cột (8) của Mục IV: Nhà thầu điền.

BẢNG KÊ KHAI DỊCH VỤ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

Nội dung	Có	Không
Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ⁽¹⁾	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Dịch vụ là sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP mà sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 6 năm gần đây ⁽²⁾	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú:

(1), (2): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng. Trường hợp nhà thầu tích chọn vào “Có” nội dung (1) thì Hệ thống cho phép nhà thầu chọn nội dung (2).

Trường hợp nhà thầu tích chọn “Có” thì nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

Nội dung dự toán mua sắm: Gói thầu số 45 - Cung cấp dịch vụ vệ sinh, đo chiều dày, khắc phục rò rỉ các ống trao đổi nhiệt các bộ gia nhiệt cao áp tổ máy số 1 NMTĐ Vũng Áng 1 năm 2026

- + Lô số 1: Vệ sinh, sửa chữa xử lý rò rỉ các ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt cao áp (*Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm*);
- + Lô số 2: Kiểm tra, đo chiều dày các ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt (*Chi tiết tại Phụ lục 1.1 đính kèm*).

Địa điểm thực hiện: Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh.

a. Giới thiệu chung về thiết bị:

Các bộ gia nhiệt cao áp hay còn gọi HP Heaters (High Pressure Heaters) là thiết bị quan trọng trong nhà máy nhiệt điện, bao gồm 03 bộ: HP1, HP2 và HP3.

Các bộ gia nhiệt cao áp có tác dụng nhận nước từ hệ thống bơm nước cấp, nước được gia nhiệt nhờ hơi nóng từ đường hơi trích Tuabin. Khi nước đạt đến nhiệt độ yêu cầu sẽ được chuyển đến bao hơi.

b. Giới thiệu chung về công tác:

Thử kín, kiểm tra rò rỉ ống trao đổi nhiệt: Là phương pháp cô lập riêng biệt khoang hơi và khoang nước khỏi hệ thống thiết bị, điền khí nén hoặc các môi chất an toàn (nước, N₂...) vào khoang hơi bình gia nhiệt, kiểm tra môi chất rò rỉ ra tại khoang nước để xác định các các ống trao đổi nhiệt (tube), mặt sàng (tube sheet) bị rò rỉ.

Xử lý rò rỉ các ống trao đổi nhiệt bình gia nhiệt: Là thực hiện bịt các ống trao đổi nhiệt (tube), mặt sàng (tube sheet) bằng nút bịt (tube plug), sau đó hàn cố định các nút bịt để ngăn thông khoang giữa khoang hơi và khoang nước của bình gia nhiệt.

Phương pháp vệ sinh ống bằng nước áp lực cao: Là phương pháp vệ sinh sử dụng máy phun áp lực cao có các béc phun ở đầu tạo ra các tia nước áp lực cao để loại bỏ các cặn, bám bẩn bên trong các ống.

Kiểm tra, đo chiều dày ống bằng phương pháp từ trường xa (RFT- Remote Field Testing): Là một kỹ thuật điện từ được sử dụng để kiểm tra các đường ống bằng thép như: thép các bon và thép không gỉ. Kỹ thuật kiểm tra này phát hiện và ước lượng kích thước mỏng đi của thành ống gây ra bởi gỉ mục, ăn mòn, sự mài mòn, rỗ ...

2. Mục tiêu công việc:

2.1. Thời gian thực hiện công việc

Thời gian thực hiện công việc: trong vòng 30 ngày từ ngày dừng máy (dự kiến bắt đầu trong tháng 8/2026).



2.2. Phân chia trách nhiệm:

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện có: Chủ đầu tư có nguồn điện, nước, khí nén, cầu trục phục vụ thi công và sẽ cung cấp dịch vụ cho nhà thầu tại các điểm đầu nối của mình khi Nhà thầu có nhu cầu sử dụng (khi có nhu cầu sử dụng nhà thầu làm văn bản đăng ký với Chủ đầu tư và thực hiện theo quy định hiện hành của Chủ đầu tư).

STT	Nội dung	Bên mời thầu	Nhà thầu
1	Điện, nước thi công	X	
2	Khí nén phục vụ thi công	X	
3	Trong trường hợp có nhu cầu và được phép của CĐT thì Nhà thầu được sử dụng một số thiết bị trong workshop. Sau khi hoàn thiện công việc nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả nguyên trạng và đảm bảo các tính năng sử dụng.	X	
4	Cung cấp giàn giáo và lắp đặt theo biện pháp thi công của nhà thầu.	X	
5	Chỉ dẫn cho nhà thầu các yêu cầu chung về an toàn và đặc thù cho từng khu vực.	X	
6	Tổ chức họp kiểm điểm tiến độ cùng ngày với nhà thầu.	X	
7	Cấp giấy phép làm việc	X	
8	Thực hiện công tác theo phạm vi công việc		X
9	Lập giải pháp/Biện pháp tổ chức thi công		X
10	Biện pháp tổ chức thi công phải được CĐT chấp thuận và Nhà thầu phê duyệt trước khi thi công.		X
11	Lập qui trình nghiệm thu và phải được chủ đầu tư chấp thuận trước khi thực hiện.		X
12	Lập tiến độ thi công		X
13	Lập sơ đồ tổ chức thi công		X
14	Chuẩn bị mặt bằng thi công		X
15	Cung cấp máy thi công, công cụ dụng cụ thi công		X
16	Cung cấp vật tư tiêu hao/vật liệu phụ, vật liệu gia công nút bịt ống tube plug		X
17	Gia công các nút bịt ống (tube plug) để bịt ống, gia công nút bịt rỗng để hàn bịt vào các điểm thùng mặt sàng		X
18	Đèn chiếu sáng tại các khu vực thi công.		X
19	Cam kết hợp tác & thực hiện các công việc phát sinh trong quá trình BDSC.		X
20	Lập báo cáo tiến độ hàng ngày trình Chủ đầu tư và tham		X



STT	Nội dung	Bên mời thầu	Nhà thầu
	gia hợp kiểm điểm tiến độ hàng ngày với CĐT		
21	Nhà ở, lán trại/nơi nghỉ tạm ở công trường, ăn uống, đi lại cho công nhân trong thời gian thực hiện SCĐK tại Nhà máy		X
22	Lập Báo cáo kết quả thực hiện (đính kèm hình ảnh và khuyến cáo)		X

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. Yêu cầu về công tác an toàn sức khỏe môi trường

3.1.1. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ

Nhà thầu phải tuân thủ nội quy phòng cháy và chữa cháy, nội quy sử dụng điện của Chủ đầu tư tại Nhà máy điện, phải áp dụng tất cả các biện pháp phòng cháy chữa cháy cần thiết, trang bị và duy trì bằng chi phí của Nhà thầu các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy lưu động mà Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư cho là cần thiết, và tuân theo mọi quy định hiện hành của luật pháp Việt Nam về phòng chống cháy nổ.

Nhà thầu sẽ phải bồi thường và không gây tổn hại đến Chủ đầu tư đối với mọi thiệt hại hoặc tổn thất do hậu quả cháy gây ra và Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại và tổn thất trong khu vực Nhà thầu chịu trách nhiệm, gồm cả khu vực của Nhà thầu phụ.

3.1.2. Yêu cầu về vệ sinh, bảo vệ môi trường

Nhà thầu phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để bảo vệ môi trường (cả khu vực trong Nhà máy và tại lán trại) để giới hạn thiệt hại và ảnh hưởng đối với người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và do các hoạt động của Nhà thầu.

Nhà thầu có trách nhiệm báo trước cho Chủ đầu tư và nhà máy biết nếu có ý định đem hóa chất độc hại hay các nguồn chứa hóa chất vào nhà máy. Cần phải nêu rõ tên hóa chất, chủng loại, mức độ nguy hiểm và các biện pháp an toàn áp dụng khi sử dụng hóa chất đó.

Nhà thầu phải đảm bảo thao tác an toàn, không để rò rỉ hóa chất gây ảnh hưởng tới con người và môi trường xung quanh, phải có kế hoạch sử dụng và lưu trữ hợp lý, tránh xảy ra tai nạn liên quan tới hóa chất đang sử dụng hoặc tạm thời không sử dụng.

Khi không cần sử dụng nữa, hóa chất độc hại phải được nhanh chóng đưa ra khỏi khu vực thao tác; hóa chất thải cần được thu gom đúng quy định, quản lý chặt chẽ.

Nhà thầu có trách nhiệm dọn dẹp, vệ sinh hiện trường sau mỗi lần sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, máy móc... Rác thải trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa sẽ được Nhà thầu gom vào thùng rác và/hoặc nơi do Chủ đầu tư quy định. Quy trình



thu gom và xử lý chất thải cần được thống nhất trước khi thực hiện công việc.

Rác thải độc hại thải ra trong quá trình thực hiện công việc phải được thu gom vào thùng chứa riêng và bàn giao lại cho Chủ đầu tư/nhà máy sau khi hoàn thành công việc.

Chủ đầu tư cần được thông báo và xin ý kiến trong các trường hợp còn nghi ngại về các phân loại một loại rác thải nào đó.

Nhà thầu phải thông báo ngay lập tức cho Chủ đầu tư/nhà máy nếu xảy ra rò rỉ chất thải hay sự cố tương tự. Bất cứ sự rò rỉ dầu nào đều cần được xử lý ngay lập tức. Nhà thầu cần xây dựng sẵn phương án xử lý khi xảy ra rò rỉ hay tràn dầu và trình Chủ đầu tư phê duyệt.

Nghiêm cấm xả dầu thải hay bất cứ chất thải ô nhiễm nào khác vào cống, kênh thoát nước, hồ nước thải... Tất cả dầu thải cần được phân loại và chứa trong thùng chứa thích hợp, thu gom đến địa điểm tập kết do Chủ đầu tư quy định.

Nhà thầu, trong khả năng và phạm vi trách nhiệm của mình, cần đảm bảo thiết lập và duy trì trong suốt thời gian thao tác một môi trường và không gian làm việc an toàn và không gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người lao động.

3.1.3. Yêu cầu về an toàn lao động

Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người, thiết bị và công trình có trên mặt bằng thi công, kể cả cho các thiết bị và công trình phụ cận.

Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

Nhà thầu phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công. Nếu Nhà thầu để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nhà thầu phải có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo lao động phù hợp.

Nhà thầu phải cam kết nhân sự của Nhà thầu có giấy khám sức khỏe định kỳ và bảo hiểm tai nạn lao động phù hợp theo quy định và cung cấp đầy đủ theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, an toàn lao động người người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, Nhà thầu và các bên liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

Nhà thầu phải quan tâm đầy đủ đến việc phòng ngừa và thực hiện các khuyến cáo của Bộ Y tế, phòng chống bệnh truyền nhiễm nhóm A (nếu có) theo quy định hiện hành của Chính phủ, Bộ y tế, đảm bảo an toàn và sức khỏe cho nhân lực của Nhà thầu. Phối hợp với các cơ quan y tế địa phương, Nhà thầu phải đảm bảo rằng các nhân viên y tế, các phương tiện cấp cứu theo quy định của Nhà nước đối với Công trình.

Nhà thầu cung cấp danh sách nhân sự kèm theo chứng chỉ, chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động liên quan đang còn hiệu lực (ít nhất tính đến thời điểm đóng thầu). Cam kết sẽ hoàn thiện hiệu lực đối với các chứng chỉ, chứng nhận đến thời điểm thi công hết hiệu lực, như sau:

- + Giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động/Thẻ an toàn lao động.
- + Chứng chỉ của những người lao động làm những công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định hiện hành của nhà nước
- + Cam kết đối với nhân sự khi làm việc hàn cắt kim loại, thiết bị nâng hạ, trên cao, không gian hạn chế, , hóa chất.. có đầy đủ thẻ an toàn tương ứng/hồ sơ đào tạo phù hợp với các quy định an toàn của nhà nước.
- + Tối đa 20 ngày sau khi ký Hợp đồng Nhà thầu phải hoàn thiện và trình Chủ đầu tư Hồ sơ An toàn Sức khỏe Môi trường để xem xét chấp thuận.

3.1.4. Yêu cầu về tuân thủ quy định ATSKMT

Nhà thầu phải tuân thủ các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và giữ gìn vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công trên công trường theo quy định của Bên mời thầu/PV Power Ha Tinh (Theo quy định tại Quyết định số 2477/QĐ-ĐLTKHT ngày 09/12/2020).

Trường hợp Nhà thầu vi phạm quy định ATSKMT, Nhà thầu sẽ bị phạt theo quy định tại Quyết định số 2477/QĐ-ĐLTKHT ngày 09/12/2020 do PV Power Ha Tinh ban hành về Quy định kiểm tra, giám sát an toàn và xử lý các hành vi vi phạm nội quy, quy định an toàn sức khỏe môi trường tại NMNĐ Vũng Áng 1.

Nhà thầu có trách nhiệm phổ biến tới toàn bộ nhân sự tham gia hợp đồng để biết và thực hiện.

3.2. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật thực hiện gói thầu:

3.2.1. Yêu cầu về cung cấp vật tư, công cụ dụng cụ

Nhà thầu chịu trách nhiệm cung cấp đủ vật tư tiêu hao/vật liệu phụ, công cụ dụng cụ phục vụ thi công các hạng mục công việc theo HSMT, vật tư tiêu hao/vật liệu phụ, công cụ dụng cụ phục vụ thi công, yêu cầu Nhà thầu tuân thủ các nội dung sau:

- + Nhà thầu phải cam kết đáp ứng đầy đủ số lượng và đảm bảo chất lượng vật tư mới 100% chưa qua sử dụng, còn hạn sử dụng, để không ảnh hưởng đến tiến độ thi công và chất lượng công trình.



- + Vật liệu để gia công nút bịt ống phải phù hợp để hàn với vật liệu của ống trao đổi nhiệt và mặt sàng của bình gia nhiệt (vật liệu ống là SA-556 C2, vật liệu mặt sàng là SA-350 Gr. LF2 CL.2).
- + Các dụng cụ, thiết bị điện phải dùng loại ổ cắm 3 chân để đảm bảo an toàn trong quá trình thi công.
- + Vật tư phải được kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng cho công trình và chấp nhận sự kiểm tra đột xuất của Chủ đầu tư.

Nhà thầu đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra máy móc, thiết bị nêu trên.

3.2.2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công

Căn cứ yêu cầu về khối lượng công việc quy định tại các Phụ lục 1 đính kèm của HSMT, Nhà thầu xây dựng giải pháp kỹ thuật bao gồm nhưng không giới hạn (phương án thử kín phát hiện rò rỉ ống trao đổi nhiệt, gia công nút bịt tube plug, hàn bịt ống trao đổi nhiệt, hàn sửa chữa mặt sàng, vệ sinh ống, kiểm tra chiều dày ống bằng phương pháp từ trường xa...), biện pháp tổ chức thi công cho toàn bộ công trình, cho từng hạng mục công trình và trình bày các biện pháp thi công, quản lý chất lượng, nghiệm thu giai đoạn cho các nội dung theo yêu cầu.

3.2.3. Công tác chuẩn bị thi công

Công tác chuẩn bị vật tư, vật liệu: Nhà thầu phải bố trí đủ lực lượng, phương tiện để tiếp nhận vật tư Chủ đầu tư cấp theo đúng quy định và phải có các biện pháp quản lý để đảm bảo chất lượng, số lượng vật tư trước khi đưa vào sử dụng.

Nhà thầu trình bày công tác chuẩn bị các máy phục vụ thi công, đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ công việc.

Máy móc thi công, các dụng cụ kiểm tra, thí nghiệm phù hợp với biện pháp thi công đề xuất trong HSDT và đảm bảo chất lượng.

Các máy móc, dụng cụ thi công phải được liệt kê đầy đủ theo nội dung công việc và phải phù hợp với nội dung công việc.

Có giấy tờ chứng minh máy móc, thiết bị thuộc quyền sở hữu của Nhà thầu hoặc nếu đi thuê thì phải có cam kết của đơn vị cho thuê với thời gian thuê đáp ứng yêu cầu trong HSMT (ít nhất bằng với thời gian thực hiện gói thầu).

Có bảng kê chất lượng máy thi công kèm theo giấy cấp phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực (nếu có). Các thiết bị nằm trong danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định của Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động – Thương binh – Xã hội và Danh mục phương tiện đo theo quy định tại Thông tư số 23/TT-BKHCN, ban hành ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định quốc gia hoặc quốc tế (có tài liệu chứng nhận kèm theo).

3.2.4. Tổ chức mặt bằng công trường



Nhà thầu phải trình bày các nội dung sau:

- Phương án bố trí mặt bằng công trường, kho dụng cụ, kho vật tư, lán trại tạm, thiết bị thi công...
- Cách thức bố trí rào chắn, biển báo; tiêu chuẩn áp dụng, tiêu chuẩn phải phù hợp với quy định về an toàn hiện hành của Quốc gia.

3.2.5. Hệ thống tổ chức

Nhà thầu phải có sơ đồ bố trí nhân lực thi công cho các bộ phận quản lý chất lượng, tiến độ, các nhóm (tổ) thi công ... chi tiết, phù hợp với nội dung công việc và tiến độ. Trong đó, quy định trách nhiệm của từng chức danh, từng bộ phận từ công tác chuẩn bị, thi công, theo dõi, giám sát, chạy thử nghiệm thu đến bàn giao đưa vào sử dụng.

Nhà thầu phải trình bày phương án bố trí đủ nhân lực thi công như chỉ huy trưởng/ đội trưởng thi công cán bộ giám sát kỹ thuật, công nhân kỹ thuật..., đủ trình độ chuyên môn để thực hiện công việc đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ theo phương án đề ra và phải bố trí nhân lực phục vụ công tác hoàn thiện các giấy tờ, thủ tục liên quan đến công tác thi công, nghiệm thu công trình tại công trường.

3.2.6. Công tác thi công

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm lập trình tự công tác bảo dưỡng sửa chữa phải phù hợp với phạm vi, khối lượng công việc yêu cầu được nêu tại Phần 2, Chương V, Mục 1.2.

Việc kiểm tra, bảo dưỡng sửa chữa không làm sai lệch thiết kế ban đầu của thiết bị.

Sau khi sửa chữa, thiết bị, hệ thống phải đảm bảo vận hành an toàn, ổn định và có thông số như thiết kế ban đầu.

Trình tự thi công phải phù hợp với phạm vi, khối lượng công việc theo yêu cầu phạm vi cung cấp của bên mời thầu, đảm bảo hợp lý và có tính khả thi cao.

Các bất thường trong quá trình bảo dưỡng sửa chữa, biện pháp xử lý.

Đảm bảo tiến độ yêu cầu thời gian thực hiện của gói thầu.

Tối đa 20 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, Nhà thầu đệ trình Bên mời thầu biện pháp thi công chi tiết cho từng hạng mục công việc xem xét chấp thuận.

3.2.7. Công tác tổ chức nghiệm thu các giai đoạn thi công và nghiệm thu tổng thể công trình

Nhà thầu trên cơ sở sơ đồ công nghệ và tài liệu vận hành bảo dưỡng sửa chữa để đưa ra phương án chi tiết về trình tự nghiệm thu hệ thống, đảm bảo hệ thống, công trình được nghiệm thu theo từng giai đoạn và đảm bảo:

- Trong suốt quá trình chạy thử nghiệm thu Nhà thầu phải bố trí đủ lực lượng có chuyên ngành phù hợp. Tất cả các lỗi không phải do vận hành của chủ

đầu tư gây ra thì Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Các thông số kỹ thuật chạy thử: Các thiết bị, hệ thống trong quá trình chạy thử phải đạt các thông số kỹ thuật so với thông số thiết kế hoặc biên bản nghiệm thu lần đầu của thiết bị/hệ thống hoặc biên bản xác nhận thông số vận hành bình thường của thiết bị/ hệ thống tương ứng tại Nhà máy và đảm bảo các tiêu chuẩn hiện hành.
- Nghiệm thu từng phần chứa các hạng mục đã thi công xong và có đầy đủ biên bản sửa chữa, lắp đặt, thí nghiệm và các loại biên bản khác phù hợp với tài liệu kỹ thuật của nhà máy, các tiêu chuẩn của nhà chế tạo hoặc tiêu chuẩn của Quốc gia/Quốc tế và quy định của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP, Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh, Chi nhánh Tổng công ty - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.
- Nghiệm thu tổng hợp khi đã thi công xong toàn bộ công trình và tổng hợp đầy đủ các biên bản sửa chữa, thí nghiệm và các loại biên bản khác phù hợp với tài liệu vận hành bảo dưỡng, tài liệu thiết kế hiện hữu, biên bản nghiệm thu lần đầu hoặc biên bản xác nhận thông số vận hành bình thường của thiết bị/hệ thống tương ứng, tiêu chuẩn của nhà chế tạo hoặc tiêu chuẩn Quốc gia/Quốc tế.
- Chạy thử từng phần và chạy thử tổng hợp: Thiết bị sau khi sửa chữa, lắp đặt xong sẽ chạy thử từng phần để khẳng định sự làm việc tin cậy và từng bộ phận/thiết bị riêng rẽ sau đó tiến hành chạy thử 72 giờ với công suất định mức và kiểm tra các thông số kỹ thuật theo thiết kế hoặc theo biên bản nghiệm thu lần đầu hoặc biên bản xác nhận thông số vận hành bình thường của thiết bị/hệ thống tương ứng tại Nhà máy.
- Vận hành chạy thử trong 72h: Nếu đạt kết quả tốt sẽ được nghiệm thu hoàn thành để chuyển sang giai đoạn chạy bảo hành.

3.2.8. Biện pháp đảm bảo chất lượng

a. Quy trình quản lý chất lượng thi công

Yêu cầu Nhà thầu liệt kê các quy trình quản lý chất lượng thi công được áp dụng nếu trúng thầu, các quy trình quản lý chất lượng thi công phải phù hợp tiêu chuẩn của nhà chế tạo hoặc quy định hiện hành của quốc gia/quốc tế.

b. Biện pháp đảm bảo chất lượng vật tư, thiết bị

Nhà thầu phải nêu biện pháp đảm bảo chất lượng toàn bộ vật tư, thiết bị sẽ đưa vào gói thầu, trong đó nêu cụ thể:

- Lập bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu, thiết bị sẽ đưa vào gói thầu và vật tư phục vụ cho biện pháp thi công.
- Cách thức chung bảo quản số lượng, chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị.
- Giải pháp xử lý vật tư, vật liệu và thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu gói thầu.

- Nhà thầu phải nêu biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị công trình khi mưa bão.

c. Biện pháp đảm bảo chất lượng công trình

Nhà thầu phải trình bày biện pháp quản lý chất lượng thi công cho toàn bộ công trình và cho từng hạng mục công trình. Biện pháp quản lý chất lượng phải quy định trách nhiệm của từng chức danh, từng bộ phận từ công tác chuẩn bị, thi công, theo dõi giám sát, chạy thử nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

Nhà thầu phải cam kết:

- Việc Biện pháp thi công của Nhà thầu được thông qua không làm giảm trừ trách nhiệm của Nhà thầu đối với chất lượng và tiến độ thi công cho từng hạng mục và toàn bộ công trình. Đảm bảo chất lượng, thi công công trình không ảnh hưởng đến sản xuất của Bên mời thầu, bảo hành toàn bộ công trình.
- Trường hợp do lỗi của Nhà thầu làm thiệt hại đến Bên mời thầu thì Nhà thầu phải cam kết chịu trách nhiệm bồi hoàn hoặc phải cam kết chịu trách nhiệm trước cơ quan chức năng tùy theo mức độ thiệt hại gây nên.

3.2.9. Tiến độ thi công

a. Biểu tiến độ thi công chi tiết

Trên cơ sở phạm vi yêu cầu, khối lượng công việc, Nhà thầu xây dựng biểu tiến độ thi công chi tiết cho từng hạng mục công việc thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu theo số ngày thực hiện liên tục kể từ ngày bàn giao mặt bằng (tổng thời gian tối đa là 30 ngày). Bảng tiến độ thời gian thực hiện phải khả thi và đáp ứng yêu cầu tiến độ HSMT.

Nhà thầu phải xây dựng chi tiết kế hoạch công việc và lập bảng tiến độ huy động nhân sự làm việc tại hiện trường theo từng ngày phù hợp với phạm vi công việc, thời gian thi công hệ thống bơm nước làm mát chính.

b. Biểu đồ huy động nhân lực, vật tư, thiết bị thi công

Căn cứ biểu tiến độ thi công chi tiết Nhà thầu đã xây dựng, yêu cầu Nhà thầu xây dựng biểu đồ huy động nhân lực, vật tư và thiết bị thi công để đảm bảo tiến độ vừa nêu.

c. Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công khi có rủi ro khách quan

Nhà thầu phải lường trước được một số rủi ro khách quan và nêu rõ biện pháp giải quyết khi xảy ra để đảm bảo tiến độ thi công.

Trong khoảng thời gian không thể thi công công trình do điều kiện khách quan, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi rủi ro khách quan.

3.2.10. Bảo hành, bảo trì



a. Thời gian bảo hành

Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành toàn bộ công trình trong thời gian 06 tháng, kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

Thời gian bắt đầu tiến hành sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót chậm nhất sau 02 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư.

b. Biện pháp tổ chức thực hiện công tác bảo hành

Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào Nhà thầu phải sửa chữa lại đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo hợp đồng.

Trong trường hợp Nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành, Bên mời thầu buộc phải sửa chữa xử lý thì Nhà thầu phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.

Để đảm bảo tiến độ, chất lượng khắc phục các khiếm khuyết bảo hành, yêu cầu Nhà thầu nêu biện pháp tổ chức thực hiện trong HSDT.

CÁC BẢN VẼ, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Stt	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản / ngày phát hành
1	VA1-DEC-00100-M-M1D-DRD-6106	Bản vẽ outline của HP Heater 01	Nhà thầu liên hệ email: tuampa@tsc.pvpower.vn để nhận tài liệu bản mềm. Email Nhà thầu phải gửi kèm tài liệu chứng minh đã hoàn thành chi phí nộp E-HSDT.
2	VA1-DEC-00100-M-M1D-DRD-6107	Bản vẽ outline của HP Heater 02	
3	VA1-DEC-00100-M-M1D-DRD-6108	Bản vẽ outline của HP Heater 03	
4	VA1-DEC-00100-M-M1D-MAN-0001	HP Installation Manual	

4. Cam kết trách nhiệm thực hiện hợp đồng:

Nhà thầu phải cam kết chịu trách nhiệm cung cấp đủ số lượng và đảm bảo chất lượng tư tiêu hao/ vật liệu phụ mới 100% chưa qua sử dụng, có Chứng nhận xuất xứ (C/O) và chứng chỉ chất lượng (C/Q) để không ảnh hưởng đến tiến độ thi công và chất lượng công trình.

Nhà thầu cam kết cung cấp đầy đủ công cụ dụng cụ, máy thi công phục vụ thi công. Đối với bình áp lực, máy bơm nước áp lực cao, máy kiểm tra bằng phương pháp RFT ... phục vụ thi công trang bị cho gói thầu có giấy chứng nhận kiểm định còn hạn sử dụng.

Nhà thầu cam kết hệ thống/thiết bị sau sửa chữa đảm bảo yêu cầu vận hành bình thường của thiết bị, các thông số kỹ thuật chính của bình gia nhiệt cao áp đáp ứng theo yêu cầu tài liệu HP INSTALLATION MANUAL: VA1-DEC-00100-M-M1D-MAN-0001.

Nhà thầu cam kết tối đa 20 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng nhà thầu sẽ lập biện pháp thi công chi tiết cho từng hạng mục công việc, biện pháp nghiệm thu, kiểm tra...

đáp ứng theo các yêu cầu của tài liệu OEM, phù hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan đáp ứng theo yêu cầu tại Phần 2, Chương V, Mục 2.4 và trình Chủ đầu tư.

Nhà thầu cam kết đảm bảo tiến độ thi công phù hợp theo yêu cầu thời gian thực hiện của gói thầu.

Nhà thầu cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về bảo hành, bảo trì đáp ứng theo yêu cầu tại Phần 2, Chương V, Mục 3.2.10 và trình Chủ đầu tư.

Nhà thầu cam kết tuân thủ và thực hiện đầy đủ các yêu cầu tại Phần 2, chương V, Mục 3.1.

Nhà thầu phải cam kết nếu trúng thầu sẽ huy động số lượng nhân công kỹ thuật trực tiếp thực hiện gói thầu phù hợp với tiến độ thi công và đáp ứng yêu cầu của gói thầu.

Nếu trúng thầu, Nhà thầu cam kết:

- i) Không được thay đổi nhân sự chủ chốt (chỉ huy trưởng công trường, cán bộ giám sát kỹ thuật, tổ trưởng chuyên môn) trừ những trường hợp ốm đau, mất khả năng lao động,...
- ii) Chỉ được phép thay đổi tối đa 30% trên tổng số lượng nhân sự đã đề xuất trong HSDT/nhân sự đề xuất huy động cho gói thầu, nhân sự Nhà thầu đề xuất thay đổi phải có trình độ/năng lực tối thiểu bằng hoặc lớn hơn nhân sự bị thay đổi. Trong trường hợp thay đổi Nhà thầu đề xuất thay đổi nhân sự bằng văn bản (kèm theo hồ sơ năng lực, các chứng chỉ liên quan đến nhân sự mới tương ứng với vị trí nhân sự thay đổi) gửi Bên mời thầu xem xét chấp thuận thông qua, muộn nhất 15 ngày trước khi thi công, Nhà thầu chỉ được thay thế nhân sự chủ chốt sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

Trường hợp Nhà thầu vi phạm cam kết này, Nhà thầu đồng ý chịu phạt trách nhiệm với mức phạt:

- + Vượt quá tỷ lệ 30%: Mức phạt 10.000.000 VNĐ/người/lần/vị trí công tác (mười triệu VNĐ/người/lần/vị trí công tác);
- + Thay đổi nhân sự lần thứ 2 cho 1 vị trí: 15.000.000 VNĐ/người/lần/vị trí công tác (mười lăm triệu VNĐ/người/lần/vị trí công tác).

Cam kết ngay trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng Nhà thầu sẽ trình Hồ sơ An toàn Sức khỏe Môi trường, biện pháp thi công chi tiết cho từng hệ thống/thiết bị, Check list/biện pháp nghiệm thu, kiểm tra... đáp ứng theo các yêu cầu của Chủ đầu tư/tài liệu OEM, phù hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan đáp ứng theo yêu cầu tại Chương V, mục 2 và trình Chủ đầu tư. Trường hợp trong vòng 20 ngày kể từ khi ký Hợp đồng mà Nhà thầu chưa trình Hồ sơ An toàn Sức khỏe Môi trường (Hồ sơ ATSKMT), biện pháp thi công, check list/biện pháp nghiệm thu, kiểm tra, cho Chủ đầu tư, Nhà thầu bằng năng lực/trách nhiệm của mình sẽ hoàn thành đầy đủ theo quy định và Nhà thầu đồng ý chịu phạt trách nhiệm cho việc chậm trễ này, cụ thể:

- + Từ ngày thứ 21 đến ngày thứ 27 kể từ ngày ký Hợp đồng: 50.000.000

VNĐ (Năm mươi triệu VNĐ);

+ Từ ngày thứ 28 đến ngày 35 kể từ ngày ký Hợp đồng: 100.000.000 VNĐ (Một trăm triệu VNĐ);

+ Từ ngày thứ 36 kể từ ngày ký Hợp đồng: 150.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi triệu VNĐ).

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Tiêu chuẩn để nghiệm thu

- Tất cả các ống, mặt sàng phải đảm bảo kín trong quá trình kiểm tra/thử kín;
- Tất cả các môi hàn phải được kiểm tra NDT-PT đầy đủ, đạt yêu cầu;
- Công tác vệ sinh ống: Bên trong tất cả các ống sau khi vệ sinh phải sạch, đảm bảo cho công tác kiểm tra, đo chiều dày ống bằng phương pháp từ trường xa (RFT), đính kèm hình ảnh bên trong các ống sau khi vệ sinh;
- Công tác kiểm tra từ trường xa (RFT): Có báo cáo, khuyến cáo tình trạng các bình gia nhiệt.



**PHỤ LỤC 1: PHẠM VI CÔNG VIỆC LÔ SỐ 1
CUNG CẤP DỊCH VỤ TRỌN GÓI VỆ SINH, THỬ KÍN, XỬ LÝ RÒ XÌ
CÁC ỐNG TRAO ĐỔI NHIỆT CỦA CÁC BỘ GIA NHIỆT CAO ÁP**

T T	Hệ thống	Thiết bị	Số lượng thiết bị thực hiện	KKS	Phạm vi công việc	Ghi chú
1		Bình gia nhiệt cao áp HP 1/2/3	03 (Số lượng trong 3 bình là 8387 ống)	10LAD10/20/30AC001		
					Mở man hole, kiểm tra, vệ sinh sơ bộ phục vụ vệ sinh trong ống	
					Vệ sinh các ống trao đổi nhiệt bằng nước áp lực cao	
					Khắc phục xử lý rò xì: + Nút bịt các ống bị thủng ống + Gia công các nút rộng (ống lót dạng rộng) và hàn bịt vào các điểm thủng mặt sàng	
					Test thử kín kiểm tra rò xì	
					Nghiệm thu chạy thử	



**PHỤ LỤC 1.1: PHẠM VI CÔNG VIỆC LÔ SỐ 2
CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM TRA, ĐO CHIỀU DÀY CÁC ỐNG TRAO
ĐỔI NHIỆT CỦA CÁC BỘ GIA NHIỆT**

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Kiểm tra, đo chiều dày các ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt bằng phương pháp từ trường xa (RFT-Remote Field Testing)	Ống	8387	

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.



THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*Ghi tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*Ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì Hệ thống trích xuất tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*Ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Ghi thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ _____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày__ tháng__ năm__⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ⁽¹⁾

Số hiệu hợp đồng: Số/HĐ/PVPTSC-...../DV/VA1/202..

PHẦN I: CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội;
- Biên bản hoàn thiện hợp đồng ngày/...../.....

PHẦN II: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày tháng năm 202 , chúng tôi gồm:

1. CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP –TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT (sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ : Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Mã số thuế : 0102276173-009

Điện thoại : 024.2221 0288

Fax: 024.2221 0388

Đại diện là : **Ông Phạm Đức Nghĩa**

Chức vụ : Phó Giám đốc

(Theo Quyết định Ủy quyền số /QĐ-TSC ngày/...../.... của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật)

Và

2. (sau đây gọi là Bên B)

Địa chỉ :

Mã số thuế :

Tài khoản số :

Tại ngân hàng:

Đại diện là :

Chức vụ :

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng dịch vụ (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) theo những nội dung dưới đây.

Điều 1. Các định nghĩa

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Trong Hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. "**Hợp đồng**" là Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng kèm theo.
- 1.2. "**Bên A**" là Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PV Power TSC).
- 1.3. "**Bên B**" là
- 1.4. "**Hai Bên**" là Bên A và Bên B.
- 1.5. "**Ngày**" là ngày dương lịch.
- 1.6. "**Tuần**" là 07 ngày dương lịch.
- 1.7. "**Nhà máy**" hoặc "**Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1**" Viết tắt: NMNĐ Vũng Áng 1 – là toàn bộ các hệ thống công nghệ, thiết bị, các công trình phụ trợ cấu thành Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.
- 1.8. **Hàng hóa**: Là các vật tư mà Bên B phải cung cấp cho Bên A theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.
- 1.9. "**PV Power Hà Tĩnh**" là Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh.
- 1.10. "**An toàn sức khỏe môi trường**" Viết tắt : ATSKMT – Bao gồm các vấn đề về an toàn vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và môi trường làm việc, môi trường tự nhiên, xã hội.
- 1.11. "**Công việc**" là dịch vụ gia công, phục hồi lõi cào băng tải xích cào NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2025 theo quy định tại Phụ lục 1.
- 1.12. "**Phát sinh**" là khối lượng công việc phải thực hiện nằm ngoài Phạm vi công việc và giá trị thực hiện công việc chưa được tính trong giá Hợp đồng.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau và là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng.

- i. Văn bản hợp đồng (các điều khoản và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng), các Sửa đổi, Bổ sung Hợp đồng (nếu có).
- ii. E-Hồ sơ mời thầu, E- Hồ sơ dự thầu.
- iii. Biên bản thương thảo hoàn thiện Hợp đồng.
- iv. Các tài liệu khác kèm theo (nếu có).

Điều 3. Đối tượng Hợp đồng

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thực hiện “Cung cấp dịch vụ vệ sinh, đo chiều dày, khắc phục rò rỉ các ống trao đổi nhiệt các bộ gia nhiệt cao áp tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2026”, theo phạm vi công việc quy định chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm Hợp đồng và đáp ứng chất lượng dịch vụ theo quy định của Hợp đồng.

Bên B có trách nhiệm lập kế hoạch/ thực hiện toàn bộ công tác bảo dưỡng sửa chữa theo phạm vi quy định tại Phụ lục 1 theo đúng quy trình, tài liệu O&M, thiết kế của nhà chế tạo thiết bị và các quy định trong lĩnh vực điện, đảm bảo sau khi nghiệm thu chạy thử Nhà máy điện Vũng Áng 1 vận hành an toàn, tin cậy, đảm bảo các thông số kỹ thuật thiết bị.

Đối với trường hợp phát sinh tăng, giảm phạm vi công việc, các Bên thực hiện theo nguyên tắc xử lý phát sinh tăng, giảm quy định tại Điều 13 của Hợp đồng này.

Điều 4. Địa điểm, thời gian và cách thức thực hiện công việc

4.1. Địa điểm thực hiện: Tại Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 thuộc sự quản lý của Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh.

Địa chỉ: Xóm Hải Phong, Phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh

4.2. Thời gian thực hiện công việc: 30 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng (dự kiến tháng 8/2026).

4.3. Cách thức thực hiện công việc:

- Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, căn cứ tiến độ đại tu thực tế của Tổ máy 1, Bên A sẽ gửi công văn thông báo về thời điểm bắt đầu công việc chính thức đến Bên B trước 15 ngày.
- Trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên B đệ trình Bên A xem xét thông qua các công việc sau:
 - + Khảo sát, lập biện pháp thi công (Cách thức/ trình tự tổ chức thực hiện; Danh mục nguyên vật liệu, máy móc, công cụ dụng cụ và thiết bị phục vụ thi công.....) và tiến độ chi tiết cho từng khu vực vị trí thi công.
 - + Sơ đồ tổ chức thi công của Bên B.
 - + Tiến độ thi công chi tiết (cấp 3).
 - + Hồ sơ an toàn sức khỏe môi trường (theo nội dung và danh mục như hồ sơ yêu cầu ATSKMT theo Phụ lục 3 đính kèm).
- Toàn bộ thiết bị, máy móc, vật tư, công cụ dụng cụ để thực hiện từng hạng mục công việc phải được tập kết tại công trường trước 02 ngày thực hạng mục công việc đó. Trong đó:
 - + Bên B phải cung cấp giấy tờ kiểm định (nếu có yêu cầu) của thiết bị, máy móc do đơn vị có chức năng cấp còn hiệu lực tính đến hết thời gian thực hiện công việc thuộc Hợp đồng này.
 - + Bên B phải đảm bảo số lượng vật tư đủ để thực hiện công việc.
- Trong vòng 15 ngày trước khi bắt đầu thực hiện công việc, các Bên cùng nhau thống nhất tiến độ công việc theo biện pháp thi công nêu trên và các mốc quan trọng phải hoàn thành để đảm bảo tiến độ dừng và lên của máy. Đồng thời, trên

cơ sở biện pháp thi công đã được Bên A thông qua, Bên B phải gửi cho Bên A danh sách, số lượng nhân sự, thiết bị công cụ dụng cụ, vật tư Bên B sử dụng tại công trường để Bên A làm thủ tục đăng ký ra vào Nhà máy (bao gồm cả thời gian và nhân lực làm thêm giờ, nếu cần thiết).

- 4.4. Trường hợp Bên A nhận thấy Bên B không đáp ứng được tiến độ các mốc quan trọng và theo tiến độ thi công cấp 3 đã được Bên A thông qua dẫn đến có thể ảnh hưởng tiến độ tổng thể của kỳ sửa chữa, Bên A có quyền yêu cầu và Bên B phải có biện pháp bổ sung nhân lực, máy móc, thực hiện các biện pháp liên quan để đảm bảo tiến độ phù hợp. Trường hợp Bên B không đáp ứng được yêu cầu của Bên A, Bên A có quyền thuê bên thứ ba để xử lý, khắc phục ngay những phần việc đã và sẽ bị ảnh hưởng do việc không đáp ứng tiến độ của Bên B. Những chi phí liên quan sẽ được khấu trừ vào phần thanh toán cho Bên B.

Điều 5. Loại Hợp đồng và giá hợp đồng

- 5.1. Loại hợp đồng: Hợp đồng hỗn hợp, trong đó :

- + Dịch vụ trọn gói: Vệ sinh, sửa chữa xử lý rò rỉ các ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt cao áp;
- + Đơn giá cố định: Kiểm tra, đo chiều dày các ống trao đổi nhiệt của các bộ gia nhiệt.

- 5.2. Tổng giá trị hợp đồng tạm tính làVNĐ (đã bao gồm thuế GTGT 8%) (Bằng chữ:/).

(Chi tiết Phụ lục 1 – Bảng phạm vi công việc và giá Hợp đồng đính kèm)

Giá trị nêu trên đã bao gồm toàn bộ chi phí dịch vụ cho công tác bảo dưỡng sửa chữa (chi phí nhân công, vật tư tiêu hao, vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị thi công, chi phí phòng chống bệnh truyền nhiễm nhóm A (nếu có) theo quy định hiện hành của Chính phủ, Bộ y tế, Sở ban ngành địa phương, Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 và các chi phí phát sinh liên quan khác) để thực hiện toàn bộ phạm vi công việc theo chi tiết quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng, kể cả việc sử dụng vật tư trong giai đoạn bảo hành.

Giá trị Hợp đồng trên đây sẽ không được thay đổi sau khi Hợp đồng đã được cả hai bên ký kết, trừ trường hợp mức thuế suất thuế GTGT thay đổi dẫn đến thay đổi giá Hợp đồng, khi đó giá Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Điều 6. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng

- 6.1. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực, Bên B phải nộp cho Bên A bảo đảm thực hiện hợp đồng với nội dung yêu cầu như sau:

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng vô điều kiện không hủy ngang do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Bên A chấp thuận phát hành.
 - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng.
 - Hiệu lực: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Thư Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng được phát hành nhưng không muộn hơn 07 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng và có hiệu lực đến ngày phát hành Bảo lãnh bảo hành hoặc đến hết ngày 31/12/2026. Trường hợp đến ngày hết hạn của Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng mà Bên B chưa nộp Bảo lãnh bảo hành cho Bên A thì Bên B có trách nhiệm thực hiện gia hạn thời gian Bảo lãnh thực hiện hợp đồng thêm 30 ngày kể từ ngày Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng hết hạn.
- 6.2. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.
- Để tránh nhầm lẫn, việc chi trả Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng như trên sẽ không loại bỏ trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại của Bên B cho Bên A đối với các thiệt hại xảy ra với Bên A xuất phát từ lỗi của Bên B.
- 6.3. Trường hợp sau khi ký kết hợp đồng 07 ngày làm việc mà Bên B vẫn chưa nộp cho Bên A Bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì Bên B phải có văn bản thông báo cho Bên A lý do chậm trễ. Tuy nhiên, thời gian gia hạn thêm không quá 03 ngày làm việc. Sau thời điểm trên, Bên A sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng với Bên B.

Điều 7. Hình thức và phương thức tạm ứng, thanh toán

1. Hình thức thanh toán: chuyển khoản bằng tiền Việt Nam.
2. Tạm ứng :
Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 10% giá trị Hợp đồng trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ bộ hồ sơ đề nghị tạm ứng của Bên B bao gồm như sau:
 - i. Một (01) bản gốc **Đề nghị tạm ứng** của Bên B.
 - ii. Một (01) bản sao **Bảo lãnh thực hiện hợp đồng**.
 - iii. Một (01) bản gốc **Bảo lãnh tiền tạm ứng** vô điều kiện không hủy ngang có giá trị bằng 100% giá trị tạm ứng do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Bên A chấp thuận phát hành, có hiệu lực đến thời điểm Bên A thu hồi toàn bộ tiền tạm ứng hoặc đến ngày 31/12/2024. Trường hợp đến ngày hết hạn của Bảo lãnh tiền tạm ứng mà Bên A chưa thu hồi được toàn bộ tiền đã tạm ứng thì Bên B có trách

nhiệm thực hiện gia hạn thời gian Bảo lãnh tiền tạm ứng đến thời điểm Bên A thu hồi toàn bộ tiền đã tạm ứng cho Bên B.

3. Thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị của Hợp đồng căn cứ khối lượng công việc thực tế hoàn thành được hai bên thống nhất và ghi nhận giá trị tại Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành sau khi đã thu hồi toàn bộ giá trị tạm ứng. Việc thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hoàn chỉnh.

Hồ sơ thanh toán bao gồm các chứng từ và tài liệu sau:

- i. Một (01) bản gốc **Đề nghị thanh toán** ghi rõ số tiền đề nghị thanh toán, số tài khoản, đơn vị thụ hưởng.
- ii. Một (01) bản gốc các **Hoá đơn Tài chính** hợp pháp, hợp lệ ghi rõ 100% giá trị hạng mục công việc thực tế được ghi nhận tại Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành, thuế GTGT.
- iii. Một (01) bản gốc **Biên bản phạt chậm tiến độ/ phạt vi phạm/bồi thường thiệt hại** (nếu có) theo quy định của Hợp đồng.
- iv. Một (01) bản gốc **Bảng xác nhận tiến độ thi công thực tế các hạng mục** được đại diện có thẩm quyền của các bên cùng ký xác nhận.
- v. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành** được đại diện có thẩm quyền của các bên cùng ký xác nhận.
- vi. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành** được đại diện có thẩm quyền của các bên cùng ký xác nhận. (đính kèm các biên bản thử nghiệm/thí nghiệm (nếu có)).
- vii. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng** được đại diện có thẩm quyền của các bên cùng ký xác nhận.
- viii. Một (01) bản gốc **Giấy cam kết Bảo Hành** do Bên B phát hành, cam kết dịch vụ cung cấp theo Hợp đồng sẽ được bảo hành trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng.
- ix. Một (01) bản gốc **Bảo lãnh bảo hành** vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, giá trị bảo lãnh là 05% giá trị quyết toán phần dịch vụ của Hợp đồng.
- x. Một (01) bản gốc **Biên bản Quyết toán và Thanh lý hợp đồng** được đại diện có thẩm quyền của các bên cùng ký xác nhận.

4. Giảm trừ thanh toán:

Trong trường hợp Bên B không triển khai bất cứ hạng mục nào thuộc Phụ lục 1 do yêu cầu từ phía Bên A thì các Bên sẽ loại trừ hạng mục đó khi thanh, quyết toán và theo quy định của Hợp đồng này.

5. Phát sinh thanh toán:

Trường hợp Bên A có yêu cầu và Bên B đồng ý thực hiện thêm các công việc ngoài phạm vi công việc tại Phụ lục 1 thì hai bên sẽ ký Sửa đổi Bổ sung Hợp đồng để làm căn cứ thực hiện/thanh toán cho các công việc phát sinh này.

Quy trình thực hiện trong trường hợp phát sinh ngoài phạm vi công việc của Hợp đồng sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Hợp đồng này.

6. Thông tin Hóa đơn thuế GTGT được xuất theo tên, địa chỉ và mã số thuế như sau:

Tên đơn vị: *Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật*

Địa chỉ: *Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, 167 đường Trung Kính, P. Yên Hòa, Hà Nội, Việt Nam*

Mã số thuế: *0102276173 - 009*

Bên B gửi bộ chứng từ thanh toán nói trên (01 bản gốc và 01 bản sao) về Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật theo địa chỉ: *Văn phòng Tầng 17,18, Tòa nhà PV Power, 199 Nguyễn Xuân, P. Thanh Xuân, Hà Nội.*

Điều 8. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên A

8.1. Quyền của Bên A:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hợp đồng của Bên B và yêu cầu Bên B báo cáo, cung cấp các tài liệu có liên quan trong quá trình triển khai Hợp đồng.
- Chấm dứt Hợp đồng khi Bên B vi phạm các điều khoản quy định trong Hợp đồng này.
- Từ chối thanh toán khi Bên B không tuân thủ các quy định của Hợp đồng.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

8.2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên A

- Tổ chức hướng dẫn an toàn, nội quy, quy định lao động và cấp thẻ ra/vào Công trường cho nhân sự của Bên B thực hiện công việc. Bên A sẽ thông báo cho Bên B thời gian tổ chức hướng dẫn an toàn, nội quy, quy định lao động trước ngày bắt đầu thực hiện công việc 02 (hai) ngày. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm nếu có bất kỳ chậm trễ phát sinh nào gây ra do Bên B chậm trễ trong việc cử nhân sự của mình tham gia đào tạo về nội quy làm việc, quy định an toàn lao động như quy định nêu trên.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong phạm vi có thể (bao gồm cung cấp cho Bên B các hồ sơ, tài liệu mà Bên A có liên quan; nguồn điện, nguồn nước, mặt bằng, thiết bị nâng hạ hiện có) để Bên B thực hiện công việc.
- Xem xét, thông qua kế hoạch, biện pháp thi công, biện pháp an toàn, tiến độ thi công chi tiết cho phạm vi công việc sửa chữa theo quy định tại Phụ lục 1 trên cơ sở đề xuất của Bên B.
- Cử cán bộ chuyên trách giám sát thường xuyên tại Công trường để cùng với Bên B giải quyết các vướng mắc (nếu có) và xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện, thời gian thực hiện thực tế của Bên B.
- Thông báo và cung cấp kịp thời cho Bên B các thông tin thay đổi về yêu cầu của Bên A trên cơ sở quy định Hợp đồng (nếu có).
- Tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng này.
- Thông báo các điểm tập kết rác thải để Bên B tập kết theo đúng quy định.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

9.1. Quyền của Bên B:

- Thực hiện các công việc được quy định trong Hợp đồng này, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn.
- Được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan, công cụ dụng cụ đặc biệt (nếu có) để phục vụ công việc.
- Được đáp ứng đầy đủ, kịp thời các yêu cầu chính đáng theo Luật định hoặc đã được Bên A chấp thuận về ATSKMT. Trong một số trường hợp được quyền từ chối vì lý do an toàn nhưng phải chịu trách nhiệm về hành động này.
- Toàn bộ nhân lực của Bên B tham gia thi công công trình sẽ được Bên A bồi huấn về an toàn trước khi vào thi công.
- Được tạm ứng, thanh toán, quyết toán theo quy định của Hợp đồng.

9.2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B:

- Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung biện pháp thi công, biện pháp an toàn, tiến độ thi công chi tiết liên quan phạm vi công việc được giao ngay cả trong trường hợp các bên liên quan đã thông qua.
- Tập kết toàn bộ nhân lực để thực hiện công việc của Hợp đồng trước 02 (hai) ngày tại Nhà máy để Bên A đào tạo hướng dẫn an toàn, nội quy, quy định lao động.

- Trang bị bảo hộ lao động, đồng phục đầy đủ, mua bảo hiểm bắt buộc cho tất cả các nhân sự của Bên B theo quy định Nhà nước (nếu có) và Bên A khi tham gia thực hiện Hợp đồng. Bảo hộ lao động và đồng phục của Bên B phải có đầy đủ logo và tên của Bên B hoặc có bảng đeo thể hiện đầy đủ các thông tin cần thiết.
- Cung cấp vật tư tiêu hao, vật liệu phụ đáp ứng số lượng, chủng loại và cung cấp máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn lao động để đảm bảo chất lượng thi công.
- Cam kết và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và hợp pháp của toàn bộ nhân sự, vật tư, máy móc, thiết bị, công cụ dụng cụ và của hồ sơ, tài liệu, chứng từ do Bên B cung cấp trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Cử nhân sự phối hợp với Bên A trong công tác kiểm tra, nghiệm thu, chạy thử và xác nhận vật tư trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Mua bảo hiểm theo quy định hiện hành (bao gồm nhưng không giới hạn bảo hiểm cho người lao động, thiết bị thi công, ...) và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc trang bị vật tư, thiết bị, đảm bảo an toàn lao động cho con người, trật tự an ninh xã hội trong thời gian thực hiện Hợp đồng.
- Bố trí và chịu chi phí ăn uống, đi lại và nơi ở tại địa điểm làm việc cho nhân sự thi công và chuyên gia của Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Thông báo ngay cho Bên A và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi xảy ra sự cố.
- Dọn dẹp vệ sinh hiện trường và trả lại nguyên trạng như ban đầu ngay sau mỗi lần thực hiện kết thúc công tác bảo dưỡng, sửa chữa.
- Đối với các vật tư hàng hóa dễ cháy nổ, khi đưa vào công trường phải báo cáo và được sự cho phép của Bên A.
- Bàn giao lại toàn bộ vật tư thay thế do Bên A cấp nhưng không sử dụng/vật tư thu hồi (nếu có) cho Bên A sau khi Bên B hoàn thành phạm vi công việc theo Hợp đồng.
- Lập và giải trình các tài liệu, hồ sơ tạm ứng, thanh toán, quyết toán hợp đồng theo đúng quy định.
- Duy trì sổ sách, hóa đơn, chứng từ và các bằng chứng liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này theo các quy định pháp luật hiện hành và có trách nhiệm trình sổ sách, hóa đơn, chứng từ bất kỳ lúc nào để Bên A kiểm tra hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- Chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A trong trường hợp mất mát, hư hỏng do nhân sự của Bên B gây ra.

- Trong quá trình thi công các vấn đề kỹ thuật liên quan Bên B phải tìm hiểu tài liệu O&M, dựa vào kinh nghiệm thực tế để đưa ra giải pháp tốt nhất cho thiết bị và phải có giám sát trực tiếp của Bên A trước khi tiến hành nghiệm thu chuyển bước ở những mốc điểm dừng kỹ thuật quan trọng.
- Thanh toán cho Bên A khoản tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng này như quy định tại Điều 16 của Hợp đồng này.
- Bên B phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường cho tất cả các hoạt động của mình tại Nhà máy theo quy định của Pháp luật hiện hành và theo yêu cầu của Bên A/ Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh tại thời điểm thực hiện hợp đồng.
- Đảm bảo nhân sự của Bên B tuân thủ và thực hiện nghiêm túc trong công tác phòng chống bệnh truyền nhiễm nhóm A (nếu có) theo quy định hiện hành của Chính phủ, Bộ Y tế, Sở ban ngành địa Phương, Nhà máy điện Vũng Áng 1. Chủ động làm việc với chính quyền địa phương trong trường hợp cần thiết.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và quy định tại các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này.

Điều 10. Nhân sự thực hiện dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa:

10.1. Bên B phải huy động tất cả nhân sự tối thiểu theo danh sách nhân sự chủ chốt tại Phụ lục 4 để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Bên A có thỏa thuận khác. Trong đó:

- Bên B không được thay thế nhân sự chủ chốt (chỉ huy trưởng công trường, cán bộ giám sát kỹ thuật, tổ trưởng chuyên môn) trừ những trường hợp ốm đau, mất khả năng lao động,... Trong trường hợp này, Bên B đề xuất thay đổi nhân sự bằng văn bản (kèm theo hồ sơ năng lực, các chứng chỉ liên quan đến nhân sự mới tương ứng với vị trí nhân sự thay đổi) gửi Bên A xem xét chấp thuận thông qua, muộn nhất 15 ngày trước khi thi công, Bên B chỉ được thay thế nhân sự chủ chốt sau khi được Bên A chấp thuận. Nhân sự chủ chốt thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Trong trường hợp này, Bên B phải cung cấp các tài liệu sau:
 - + Bản sao được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn.
 - + Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm của nhân sự.
 - + Tài liệu chứng minh cho trường hợp ốm đau, mất khả năng lao động có xác nhận của bệnh viện, cơ quan có thẩm quyền.
- Bên B chỉ được thay đổi tối đa 30% trên tổng số lượng nhân sự tại Phụ lục 4, nhân sự Bên B đề xuất thay đổi phải có trình độ/năng lực tối thiểu bằng

hoặc lớn hơn nhân sự bị thay đổi. Trong trường hợp thay đổi Bên B phải cung cấp các hồ sơ liên quan và tiến độ như quy định đối với việc thay thế nhân sự nêu trên.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B không được huy động nhân sự thực hiện Hợp đồng này tham gia bất kỳ Hợp đồng khác phục vụ trung tu tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2026 (ngoại trừ nhân sự chỉ huy trưởng nếu Bên B cam kết nhân sự này có thể đảm nhận được đáp ứng chất lượng, tiến độ các Hợp đồng).

10.2. Nhân sự của Bên B phải đảm bảo:

- Có đủ năng lực và kinh nghiệm, bằng cấp, chứng chỉ liên quan;
- Được huấn luyện, đào tạo và đáp ứng các yêu cầu về an toàn trước khi thực hiện công việc;
- Tuân thủ các quy trình an toàn của Bên A trong quá trình thực hiện.

10.3. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay đổi bất kỳ nhân sự nào của Bên B và nhà thầu phụ của Bên B khi có bằng chứng chứng minh nhân sự của Bên B hoặc nhà thầu phụ của Bên B vi phạm một trong các trường hợp sau:

- Không bảo đảm năng lực chuyên môn để thực hiện công việc theo Hợp đồng;
- Có những biểu hiện không tốt về hành vi, hạnh kiểm (như say rượu, gây gổ, đánh người, cư xử thiếu văn hóa, xâm phạm tài sản...); vi phạm pháp luật từ mức bị lập biên bản vi phạm bởi cơ quan bảo vệ pháp luật địa phương trở lên;
- Vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Hợp đồng;
- Không có biện pháp tích cực và đúng đắn bảo đảm an toàn trong công việc, hoặc để xảy ra tai nạn chủ quan cho người và thiết bị nhưng không kịp thời, nhanh chóng khắc phục hậu quả;
- Không có tinh thần hợp tác tích cực với Bên A để thực hiện ngay công tác bảo trì sửa chữa hệ thống/thiết bị (trong sửa chữa định kỳ, sự cố) nhằm bảo đảm nhanh chóng đưa Nhà máy/hệ thống/thiết bị trở lại vận hành.
- Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A, trong vòng 03 ngày làm việc, Bên B phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu.

Điều 11. Nghiệm thu hoàn thành

11.1. Nghiệm thu hoàn thành dịch vụ:

- Căn cứ kiểm tra, nghiệm thu hoàn thành công việc bao gồm các bản vẽ thiết kế của Nhà chế tạo thiết bị, tài liệu vận hành bảo dưỡng sửa chữa, thuyết

minh chỉ dẫn kỹ thuật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan, chứng chỉ kết quả thí nghiệm, kiểm định, ...

- Bên B phải thông báo trước cho Bên A tối thiểu 24 giờ làm việc để thực hiện nghiệm thu hoàn thành công việc theo thiết bị, hệ thống.
- Bên B chuẩn bị đầy đủ các phương tiện máy móc phục vụ công tác nghiệm thu.
- Bên A cử đại diện giám sát, nghiệm thu các bước trong quá trình thực hiện công việc và cùng trực tiếp nghiệm thu hoàn thành công việc.
- Đối với kiểm tra hoàn thành từng giai đoạn trong quá trình thực hiện công việc, Bên B thực hiện đo đạc đầy đủ các thông số của thiết bị theo các biểu mẫu kiểm tra của Bên A. Các thông số này phải được thông qua và xác nhận bởi đại diện của Bên A trước khi Bên B thực hiện các công việc tiếp theo.
- Bên B cung cấp đầy đủ Hồ sơ nghiệm thu chất lượng theo Quy định nghiệm thu và Biện pháp thi công đã được Bên A phê duyệt.
- Công tác nghiệm thu dịch vụ chỉ được thực hiện khi hoàn thành công tác lắp đặt và chạy thử thiết bị 72 giờ, thiết bị đạt các thông số vận hành đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo tài liệu O&M.
- Bên A có quyền từ chối nghiệm thu dịch vụ nếu thi công không đạt chất lượng theo yêu cầu của Bên A theo quy định của Hợp đồng hoặc khi thiết bị không đạt đủ thông số vận hành. Trong trường hợp này, Bên B bằng chi phí của mình, có trách nhiệm thực hiện lại công tác bảo dưỡng sửa chữa. Trường hợp việc thực hiện lại làm ảnh hưởng đến tiến độ chung để nhà máy trở lại vận hành thương mại, ngoài việc chịu chi phí thực hiện lại, Bên B còn có trách nhiệm bồi thường cho Bên A những thiệt hại trực tiếp.

Điều 12. Nhà thầu phụ

- Bên B chỉ được ký kết hợp đồng thuê các Nhà thầu phụ để thực hiện một phần công việc theo tỷ lệ đã được kê khai trong E-HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B. Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.
- Trường hợp thay thế Nhà thầu phụ, Bên B chỉ được thực hiện thay thế khi có sự chấp thuận của Bên A.
- Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Bên B và nhà thầu phụ. Bên B không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ trong HSDT.
- Khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ phải cung cấp các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của các Nhà thầu phụ để thực hiện công việc được giao.

Điều 13. Bổ sung Hợp đồng và quy trình xử lý khi có phát sinh tăng, giảm

- 13.1. Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong trường hợp phát sinh bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong Hợp đồng này. Hai bên sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết Sửa đổi, Bổ sung Hợp đồng.
- 13.2. Đối với các công việc phát sinh tăng ngoài phạm vi công việc quy định tại Phụ lục 1 nhưng thuộc phạm vi hệ thống thiết bị do Bên B phụ trách thực hiện theo Hợp đồng này, Bên B thực hiện theo trình tự sau:
 - i. Tiếp nhận thông tin về phát sinh công việc từ Bên A.
 - ii. Khảo sát thực tế và phân tích khả năng thực hiện công việc.
 - iii. Lập bản chào giá.
 - iv. Sau khi Bên A xem xét bản chào, hai bên tiến hành thương thảo, thống nhất việc thực hiện công việc với Bên A bằng Sửa đổi, Bổ sung Hợp đồng để thể hiện Bên A cho phép Bên B thực hiện công việc ngoài phạm vi dịch vụ.
 - v. Chuẩn bị thi công: Thực hiện các công tác chuẩn bị vật tư, vật liệu, thiết bị, máy thi công và nhân lực thi công khi được phép của Bên A.
 - vi. Thực hiện công việc: Bên B tiến hành thực hiện các công việc đã được thống nhất với Bên A.
 - vii. Nghiệm thu sau khi hoàn thành: Nghiệm thu quá trình thực hiện công việc theo đúng các quy trình hiện hành của Bên A và Hợp đồng giữa các bên (nếu có).
 - viii. Giá trị phát sinh được thanh toán trên cơ sở hai bên thống nhất tại Sửa đổi Bổ sung Hợp đồng.
 - ix. Trong trường hợp do yêu cầu của Bên A dẫn đến việc Bên B không triển khai hạng mục công việc thuộc phạm vi công việc quy định tại Phụ lục 1 thì các Bên thống nhất bằng Biên bản phát sinh giảm được đại diện có thẩm quyền ký xác nhận. Bên A không phải thanh toán cho các hạng mục phát sinh giảm và được giảm trừ thanh toán theo giá trị tại bảng giá quy định trong Phụ lục 2 của Hợp đồng.

Điều 14. Bảo hành

- Bên B có trách nhiệm bảo hành miễn phí toàn bộ công trình trong thời gian 06 tháng, kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào Bên B phải sửa chữa lại đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo hợp đồng. Thời gian bắt đầu tiến

hành sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót chậm nhất sau 02 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của Bên A.

- Bên B cung cấp cho Bên A:
 - + Giấy Chứng nhận Bảo hành do Bên B phát hành chứng nhận dịch vụ cung cấp theo Hợp đồng sẽ được bảo hành trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng.
 - + Thư Bảo lãnh bảo hành vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng có uy tín hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, giá trị bảo lãnh là 05% giá trị dịch vụ cung cấp và được bên A giữ lại cho đến ngày Bên B hết nghĩa vụ bảo hành. Thời hạn bảo lãnh 06 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, trong trường hợp ngày phát hành sau ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng thì thời hạn bảo lãnh 06 tháng kể từ ngày ngân hàng phát hành bảo lãnh.
- Trường hợp Bên B không thực hiện trách nhiệm bảo hành, Bên A buộc phải sửa chữa xử lý thì Bên B phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.
- Đối với các công việc Bên B thực hiện không tuân thủ quy định thì phải có trách nhiệm khắc phục bằng chi phí của Bên B.

Điều 15. Bảo mật Hợp đồng

- Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Bên B cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.
- Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của dịch vụ trong khuôn khổ Hợp đồng thuộc quyền sở hữu của Bên A. Bên B có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.

Điều 16. Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại

16.1. Phạt chậm tiến độ Hợp đồng:

Nếu Bên B do lỗi của mình dẫn đến chậm tiến độ thực hiện Hợp đồng thì mức phạt đối với mỗi hạng mục chậm tiến độ được áp dụng như sau:

- Mức phạt: 01%/ngày của giá trị hạng mục thực hiện chậm.
- Mức phạt tối đa: 08% giá trị hợp đồng trước thuế.
- Thời gian phạt chậm tiến độ được tính kể từ ngày ký Biên bản bàn giao Hàng hóa.

16.2. Bồi thường thiệt hại:

- i. Trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Bên A khi không thực hiện một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng thì ngoài trách nhiệm phạt vi phạm tại Điều 16.1, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế gây ra cho Bên A. Mức bồi thường thiệt hại không vượt quá 100% giá trị của hợp đồng.
- ii. Trường hợp Bên B thực hiện công việc không đảm bảo chất lượng dịch vụ làm ảnh hưởng tới hệ thống/thiết bị/công tác vận hành, ngoài trách nhiệm phạt vi phạm tại Điều 16.1, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế gây ra cho Bên A.

16.3. Nếu Bên B chậm trễ trong việc thực hiện các nghĩa vụ của Hợp đồng thì phải chịu phạt vi phạm theo quy định tại Điều 16 này, trừ trường hợp được Bên A chấp thuận là bất khả kháng theo quy định tại Điều 16 của Hợp đồng và/hoặc hai Bên thống nhất áp dụng gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng thì sẽ áp dụng theo các điều khoản ràng buộc được hai Bên thỏa thuận bổ sung.

16.4. Phạt vi phạm An toàn – Sức khỏe – Môi trường:

Nếu Bên B chậm trễ trong việc trình Hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng này thì mức phạt áp dụng như sau kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực:

- Từ ngày thứ 21 đến ngày thứ 27: Phạt 50.000.000 VNĐ (Năm mươi triệu VNĐ);
- Từ ngày thứ 28 đến ngày 35: Phạt 100.000.000 VNĐ (Một trăm triệu VNĐ);
- Từ ngày thứ 36 trở lên: Phạt 150.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi triệu VNĐ).

16.5. Phạt vi phạm về nhân sự thực hiện Hợp đồng:

Nếu Bên B vi phạm trong việc thay thế nhân sự theo quy định tại Điều 11 Hợp đồng này thì mức phạt áp dụng như sau:

- Trường hợp Bên B thay đổi quá 30% tổng số nhân sự trực tiếp thực hiện Hợp đồng này: Mức phạt 10.000.000 VNĐ/người/lần/vị trí công tác (Mười triệu VNĐ/người/lần/vị trí công tác).
- Trường hợp Bên B thay đổi nhân sự lần thứ 2 cho 1 vị trí mà không chứng minh được lý do bắt buộc thay thế: Mức phạt 15.000.000 VNĐ/người/lần/vị trí công tác (mười lăm triệu VNĐ/người/lần/vị trí công tác).

16.6. Việc thanh toán tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại sẽ được khấu trừ từ Giá Hợp đồng tương ứng.

Điều 17. Chấm dứt hợp đồng

17.1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

- a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn để thực hiện.
- b) Bên A hoặc Bên B bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập.
- d) Xảy ra Sự kiện bất khả kháng.
- e) Chậm tiến độ thực hiện Hợp đồng vượt quá thời gian quy định.

17.2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a,e Điều 17.1, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.

17.3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b Điều 17.1, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 18. Bất khả kháng

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hai Bên theo Hợp đồng này, bao gồm các sự kiện sau:
 - + Chiến tranh, dịch bệnh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, sóng thần, động đất, núi lửa, lốc xoáy, hạn hán, lũ lụt.
 - + Sự cố của hệ thống điện Quốc gia gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Nhà máy.
- Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên chịu tác động trước bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay thông qua các hình thức thông tin liên lạc và không muộn hơn 48 giờ phải có thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Văn bản thông báo về sự kiện bất khả kháng phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.
- Trong khoảng thời gian không thể thực hiện công việc do điều kiện bất khả kháng, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.
- Nếu một Bên bị hoặc sẽ bị cản trở việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào theo quy định của Hợp đồng vì nguyên nhân Bất khả kháng, thì bên đó phải gửi thông báo cho Bên kia về sự cố Bất khả kháng, đồng thời chỉ rõ các nghĩa vụ không thể thực hiện được. Thông báo này phải được gửi trong vòng mười bốn (14) ngày sau khi Bên đó biết hoặc đáng lẽ đã biết về hoàn cảnh/tình huống dẫn đến Bất khả kháng. Bên đó sau khi đã gửi thông báo, sẽ được miễn việc thực hiện các nghĩa vụ vì lý do Bất khả kháng.
- Trong trường hợp xảy ra Bất khả kháng, Bên B sẽ cố gắng thực hiện tốt nhất nghĩa vụ của mình, tuy nhiên hai Bên sẽ thương lượng và thống nhất các chi phí bổ sung cần thiết để Bên B nỗ lực thực hiện công việc của mình trong quá trình xảy ra Bất khả kháng.

Điều 19. Giải quyết tranh chấp

- Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa Hai Bên thông qua thương lượng, hòa giải.

- Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa vụ việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền, luật điều chỉnh Hợp đồng là luật Việt Nam. Mọi chi phí liên quan do bên thua chịu.
- Việc thực hiện Hợp đồng vẫn phải tiếp tục trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp trừ khi Bên A ra lệnh ngừng thực hiện công việc.

Điều 20. Điều khoản khác

- 20.1. Những vấn đề không được quy định trong Hợp Đồng này sẽ tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành khác của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 20.2. Bất kỳ thay đổi, sửa đổi, bổ sung nào có liên quan tới Hợp đồng này đều phải được cả hai Bên thỏa thuận bằng văn bản.
- 20.3. Các Phụ lục Hợp đồng kèm theo và các Sửa đổi Bổ sung Hợp đồng (nếu có) là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng với các Phụ lục kèm theo và các sửa đổi bổ sung Hợp đồng thì nội dung các điều khoản và điều kiện sẽ được ưu tiên thi hành theo thứ tự như sau: i. Hợp đồng, ii. Phụ lục, iii. Các sửa đổi bổ sung Hợp đồng.
- 20.4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký Hợp đồng và kết thúc khi hai bên thực hiện xong các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong Hợp đồng này.
- 20.5. Hợp đồng được lập thành 05 bộ, Bên A giữ 03 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Đính kèm 01: Phạm vi công việc.

Đính kèm 02: Bảng giá Hợp đồng.

Phụ lục 03: Danh sách nhân sự chủ chốt.

Phụ lục 04: Danh sách thiết bị thi công chủ yếu.

Phụ lục 05: Quy định về ATSKMT.

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của _____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại _____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số _____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ÚNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

[*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hoàn thành việc cung cấp dịch vụ quy định trong hợp đồng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên nhà thầu*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được

tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.